

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1803000339 lần đầu ngày 12/09/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 26/08/2009)

BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068, đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 02103 953 543 Fax: 02103 953 542

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1 & 5, Tòa nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04) 35378 010 Fax : (04) 35378 005

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà : Lê Thị Thanh – Kế toán trưởng Điện thoại: 0210 3 953 537

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1803000339 lần đầu ngày 12/09/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 26/08/2009)

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 14
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	2.830.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	28.300.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu chưa đăng ký niêm yết: **50.000 cổ phần** (tương ứng 500.000.000 đồng giá trị vốn góp bằng thương hiệu LICOGI của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng).

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



Biên cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&5 toà nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35378010 Fax: (04) 35378005

Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Sông Đà, Số 165, Đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 62 670 491 Fax: (04) 62 670 494

Email: vae_co@viettel.vn

Website: www.vae.com.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Thông tin về tổ chức đăng ký niêm yết	10
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
3. Cơ cấu tổ chức và Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	13
3.1. Cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty.....	14
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	17
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/5/2011.....	17
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	18
4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	18
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	19
5.1 Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết.....	19
5.2 Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết	19
5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	19
6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty.....	19
6.1.1 Hoạt động thi công xây lắp.....	19
6.1.2 Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu.....	22
6.1.3 Hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản.....	23
6.2. Sản lượng sản phẩm, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận qua các năm.....	24
6.4. Chi phí sản xuất.....	28
6.5. Trình độ công nghệ.....	28
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng.....	33
6.7. Hoạt động Marketing	33

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	35
6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	36
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	38
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất..	38
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	39
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	41
8.1. Vị thế của Công ty.....	41
8.2. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	42
9. Chính sách đối với người lao động.....	42
9.1. Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty.....	42
9.2. Chính sách đối với người lao động trong Công ty.....	43
10. Chính sách cổ tức.....	44
11. Tình hình hoạt động tài chính	44
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	44
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	50
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	50
13. Tài sản.....	61
13.1. Danh mục tài sản thuộc sở hữu của Công ty.....	61
13.2. Danh mục đất đai phục vụ kinh doanh.....	62
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	63
14.1 Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm tiếp theo.....	63
14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....	63
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	70
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	70
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	70
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	71
1. Loại chứng khoán	71
2. Mệnh giá	71
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	71
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	71
5. Phương pháp tính giá	72
6. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	74
7. Các loại thuế liên quan	74
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	76
VII. PHỤ LỤC.....	76

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Tên bảng biểu	Số trang
Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý Công ty	12
Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/05/2011	17
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần	18
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/05/2011	18
Bảng 4 - Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm	24
Bảng 5 - Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng hoạt động qua các năm	25
Bảng 6 - Một số nhà cung cấp thường xuyên của Công ty	26
Bảng 7 - Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm	29
Bảng 8 – Năng lực thiết bị thi công của Công ty	29
Bảng 9 – Năng lực thiết bị kiểm tra chất lượng công trình của Công ty	32
Bảng 10 - Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	36
Bảng 11 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất	38
Bảng 12 - Cơ cấu lao động của Công ty	41
Bảng 13 – Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	44
Bảng 14 – Tổng dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	44
Bảng 15 – Tình hình phải thu tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	45
Bảng 16 - Tình hình nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	46
Bảng 17 – Chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2009,2010	48
Bảng 18 – Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	59
Bảng 19 – Danh mục đất đai của Công ty	60
Bảng 20 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo	61

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm, trong giai đoạn 2008-2009 ở mức 6,9%/năm. Sự phát triển của nền kinh tế có tác động trực tiếp đến sự phát triển của ngành xây dựng nói chung. Kinh tế tăng trưởng sẽ dẫn tới nhu cầu về xây lắp các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng... tăng cao, nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cũng tăng lên. Trong những năm qua, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách tích cực nhằm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nhờ đó, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam luôn đạt mức ổn định. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho sự phát triển của ngành xây dựng nói chung và Công ty Cổ phần LICOGI 14 nói riêng.

Năm 2008 và 2009 là giai đoạn đặc biệt khó khăn không chỉ đối với kinh tế Việt Nam mà còn là năm suy thoái của kinh tế thế giới: chỉ số lạm phát tăng cao, tỷ giá VNĐ/USD biến động mạnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế chững lại và có dấu hiệu suy giảm. Bước sang năm 2010, nhờ các chính sách vĩ mô của chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hồi phục và phát triển đi lên. Tuy nhiên, do đang trong giai đoạn phục hồi sau khủng hoảng, nền kinh tế vẫn đang gặp phải những khó khăn nhất định như nguồn vốn đầu tư bị hạn chế, sức cầu tiêu dùng bị giảm sút. Điều này có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh cả năm của Công ty.

Rủi ro lạm phát: Bên cạnh đó, yếu tố lạm phát cũng có những tác động trực tiếp lên hiệu quả hoạt động của Công ty trong các năm vừa qua. Lạm phát làm các chi phí đầu vào gia tăng và nhu cầu xây dựng trong nền kinh tế giảm xuống. Trong nhiều năm liền, từ năm 1996 đến năm 2006, Việt Nam vẫn giữ mức lạm phát ổn định ở một con số. Tuy nhiên, từ năm 2007 dưới ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã tăng mạnh lên mức 12,6% năm 2007 và 19,89% năm 2008. Năm 2009 tỷ lệ lạm phát dừng ở mức 6,88% do sự hồi phục của nền kinh tế cũng như rất nhiều chính sách điều tiết vĩ mô tích cực và hiệu quả của Chính phủ. Bước sang năm 2010, tỷ lệ lạm phát lại tăng lên mức 2 con số là 11,75%, nguyên nhân chính xuất phát từ những nhân tố khách quan như sự bất ổn kinh tế, giá cả một số hàng hóa thiết yếu thế giới tiếp tục tăng cao (giá dầu thô và giá xăng – gas tăng, sắt thép, nguyên vật liệu nhập khẩu tăng do kinh tế thế giới phục hồi, giá cả nguyên vật liệu tăng trên 10%), giá vàng biến động mạnh.

Trong nước, dịch bệnh trong nông nghiệp, bão lũ nặng nề ở miền Trung làm ảnh hưởng khá lớn đến cung cầu hàng hóa, giá lương thực thực phẩm tăng do việc chủ động đưa giá lên để tạo điều kiện cho các nhà sản xuất trong nước và nông dân; tăng lương cơ bản, tăng chi phí giáo dục, y tế; do chi tiêu ngân sách và đầu tư công khá lớn những năm qua và cả

năm 2010; kết hợp tỷ giá tăng, giá vàng tăng, yếu tố tâm lý kỳ vọng lạm phát trong dân dẫn đến tổng cầu tăng đột biến, làm giá tăng mạnh ở thời điểm quý 4/2010... Dự kiến lạm phát năm 2011 vẫn duy trì ở mức 2 con số sẽ tiếp tục gây khó khăn đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro lãi suất: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, lĩnh vực có nhu cầu về vốn rất lớn nên vay nợ ngân hàng luôn luôn ở mức cao. Do đó biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cơ bản trong những năm gần đây có xu hướng tăng dần. Từ năm 2008 đến nay, các biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát liên tục được Chính phủ đưa ra. Sau khi lạm phát tiếp tục leo thang trong tháng 4/2011 (tính chung 4 tháng đầu năm, lạm phát đã tăng tới 9,64%, vượt xa mục tiêu kiềm chế 7% mà Chính phủ đề ra hồi đầu năm), ngày 29/04/2011, Ngân hàng Nhà nước công bố quyết định điều chỉnh các lãi suất điều hành quan trọng là lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu. Theo đó, kể từ ngày 1/5/2011, lãi suất tái cấp vốn sẽ tăng lên 14%/năm thay cho mức 13%/năm áp dụng từ ngày 1/4 vừa qua. Lãi suất chiết khấu cũng được tăng lên 13%/năm thay cho mức 12%/năm áp dụng từ ngày 8/3/2011. Trước đó, ngày 9/4/2011, Ngân hàng Nhà nước cũng đã tăng thêm 2% đối với tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ, cũng áp dụng từ tháng 5/2011. Sự căng thẳng về lãi suất trong các tháng cuối năm sẽ càng gây khó khăn cho việc huy động vốn triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Pháp luật và môi trường pháp lý có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Là công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, do vậy hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, Luật nhà ở và các pháp luật khác liên quan. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như cơ chế quản lý hiện vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện nên sự điều chỉnh có thể sẽ xảy ra. Ngoài ra, các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách về xây dựng cơ bản, đất đai, phát triển các khu đô thị, cơ sở hạ tầng... còn chông chéo, thiếu tính ổn định và nhất quán, gây khó khăn cho Công ty trong việc hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 14 chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán sau khi Công ty đăng ký niêm yết. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi theo hướng bất lợi cho Công ty có thể xảy ra và ảnh hưởng không tốt đến giá cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Trong hoạt động xây lắp, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian dẫn tới tình trạng chủ đầu tư nợ dây dưa, chậm thanh toán cho các công ty xây dựng thường xảy ra, thậm chí có nhiều trường hợp không thu được vốn. Nếu doanh nghiệp không lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực tài chính tốt, tình trạng nợ thanh toán công trình có thể xảy ra, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Ngoài ra, điều này còn dẫn đến Công ty thường xuyên phải duy trì tỷ lệ nợ ở mức cao để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh. Việc duy trì hệ số nợ cao cùng với việc bị chiếm dụng vốn đã làm tăng chi phí sử dụng vốn của LICOGI 14, tuy nhiên xác suất không thu hồi được các khoản nợ này là rất thấp.

Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trong trường hợp thị trường bất động sản có dấu hiệu trầm lắng hoặc thậm chí là đóng băng có thể dẫn đến việc các căn hộ trong dự án của Công ty không tiêu thụ được, dẫn đến nợ đọng kéo dài, chi phí tài chính tăng cao.

Với việc thắt chặt tiền tệ nhằm thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra những biện pháp giảm tốc độ và tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất, trong đó có bất động sản. Trong khi đó, đặc thù của kinh doanh bất động sản là vốn lớn, các doanh nghiệp luôn phải huy động từ nhiều nguồn khác nhau để phát triển dự án bởi vốn tự có của họ chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong cơ cấu vốn. Theo nghiên cứu của Vietnam Report, vốn vay ngân hàng và huy động từ khách hàng chiếm đa phần để thực hiện các dự án. Tuy nhiên, khi lãi suất đẩy lên, cao tới 20-21%/năm như hiện nay cùng với giới hạn dư nợ tín dụng bất động sản (tổng dư nợ tối đa là 16% vào cuối năm nay) sẽ tác động rất nhiều đến các doanh nghiệp bất động sản. Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong triển khai các dự án, những đồng vốn đã bỏ vào bất động sản trong thời gian qua chưa kịp tạo ra lợi nhuận đã phải chịu sức ép của lãi suất và chính sách.

Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng:

Đặc tính nổi bật của lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng là nhạy cảm với chu kỳ kinh doanh của nền kinh tế vĩ mô. Khi nền kinh tế suy thoái, các công trình xây dựng sẽ bị trì trệ, doanh nghiệp và cá nhân không còn bỏ nhiều tiền ra để đầu tư xây dựng nhà cửa, chính phủ không mở rộng đầu tư vào các công trình cơ sở hạ tầng như cầu cống, sân bay, bến cảng, trường học, bệnh viện... Điều này làm cho doanh số, lợi nhuận của các công ty kinh doanh vật liệu xây dựng sụt giảm nhanh chóng. Ngoài ra, rủi ro không thu hồi được tiền bán hàng cũng có thể xảy ra.

Từ năm 2010 đến nay, giá cả nguyên vật liệu xây dựng tăng cao từ 10 – 30% không chỉ xi măng, sắt thép mà gạch ngói, sơn, đồ trang trí nội thất sản xuất trong nước và nhập khẩu đều tăng giá. Nguyên nhân chủ yếu là do tác động từ giá vận chuyển và nguyên vật liệu, chi phí đầu vào tăng mạnh. Mặt hàng mà Công ty sản xuất chủ yếu là đá xây dựng, sản phẩm gạch block, gạch tuy – nen, cấu kiện bê tông đúc sẵn, tấp lợp fibroximang...Do tình hình giá cả tăng cao, nhu cầu xây dựng giảm nên mảng kinh doanh này cũng gặp không ít khó khăn.

4. Rủi ro khác

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại cho tài sản và con người, đó là những rủi ro như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo .v.v... Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty cần tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho người lao động và cho tài sản.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Đặng Đắc Bằng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Gia Lý	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Sim	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Thanh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Đình Lợi**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần LICOGI 14. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần LICOGI 14 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- ♦ TCT LICOGI: Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng
- ♦ Công ty: Công ty Cổ phần LICOGI 14
- ♦ LICOGI 14: Công ty Cổ phần LICOGI 14
- ♦ SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

- ♦ DHDCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ♦ HĐQT: Hội đồng quản trị
- ♦ BKS: Ban Kiểm soát
- ♦ SGDCĐ: Sở Giao dịch Chứng khoán
- ♦ UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- ♦ UBND: Ủy ban Nhân dân
- ♦ BCTC: Báo cáo tài chính
- ♦ TSCĐ: Tài sản cố định
- ♦ SXKD: Sản xuất kinh doanh
- ♦ BĐS: Bất động sản
- ♦ VLXD: Vật liệu Xây dựng
- ♦ NG: Nguyên giá
- ♦ GTCL: Giá trị còn lại

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Thông tin về tổ chức đăng ký niêm yết

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14
Tên nước ngoài: LICOGI 14 Joint Stock Company
Tên viết tắt: LICOGI 14
Trụ sở chính: Số 2068, đại lộ Hùng Vương, Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ
Điện thoại: 02103 953 543
Fax: 02103 953 542
Website: www.licogi14.com.vn
Logo:



Vốn điều lệ: 28.800.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng)
Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD số 1803000339 lần đầu ngày 12/09/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 26/08/2009
Ngành nghề kinh doanh: - Sản lập mặt bằng, đóng ép cọc, xử lý nền móng công trình;

- Xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện, dân dụng và công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đô thị mới, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Khoan nổ mìn, bóc xúc, vận chuyển, khai thác, nghiền sàng đá xây dựng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây trạm biến áp đến 35KW;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị, cho thuê thiết bị máy công trình;
- Kinh doanh xăng dầu các loại, thiết bị, phụ tùng, vật liệu xây dựng và một số ngành nghề khác được pháp luật cho phép.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần LICOGI 14 là một trong những đơn vị mạnh của Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng LICOGI - Bộ Xây Dựng. Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp thi công cơ giới số 14 được thành lập theo quyết định số 184/BXD-TCCB ngày 11/2/1982 của Bộ Xây Dựng với nhiệm vụ thi công san lấp mặt bằng, đào móng các hạng mục công trình nhà máy tuyển quặng APatit địa bàn Tầng Loong - Bảo Thắng - Lào Cai. Ngày 02/01/1996, Bộ trưởng Bộ Xây Dựng có quyết định số 01/BXD-TCLĐ đổi tên thành Công ty cơ giới và xây lắp số 14. Thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần, Bộ Xây Dựng có quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18/7/2005 và quyết định số 1703/QĐ-BXD ngày 09/9/2005 chuyển Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 thành Công ty Cổ phần LICOGI 14, có trụ sở chính tại: Số 2068 Đại lộ Hùng Vương - phường Nông Trang - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ. Ngày 12/09/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ đã cấp Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 1803000339 cho Công ty Cổ phần LICOGI 14 với số vốn điều lệ ban đầu là 8,8 tỷ đồng.

Trong quá trình hoạt động, để tăng cường vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2007 Công ty Cổ phần LICOGI 14 đã tăng vốn điều lệ từ 8,8 tỷ đồng lên 28,8 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và các đối tác khác.

❖ Quá trình tăng vốn điều lệ

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty ngày càng phát triển mạnh hơn huy động nhiều nguồn lực nhằm tài trợ cho các dự án. Trong năm 2007 Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ số vốn ban đầu 8,8 tỷ đồng lên 28,8 tỷ đồng như thời điểm hiện tại.

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 23/05/2007 về việc tăng vốn điều lệ, Công ty đã thực hiện phát hành thêm 2.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 20 tỷ đồng. Chi tiết của đợt phát hành này như sau:

- Loại chứng khoán : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán: 2.000.000 cổ phần
- Vốn điều lệ sau phát hành: 28.800.000.000 đồng
- Thời gian phát hành : Từ ngày 12/06/2007 đến ngày 30/09/2007
- Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và các tổ chức, cá nhân là đối tác tiềm năng, chiến lược của Công ty.
- Phát hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23/05/2007.
- Mục đích huy động vốn: Vốn huy động từ đợt phát hành được sử dụng đầu tư vào dự án Minh Phương và nhà máy Thủy điện Bắc Hà – Lào Cai.
- Phân phối chứng khoán như sau:
 - Các cổ đông hiện hữu được mua với tỷ lệ 1:1 tương đương 880.000 cổ phần với giá 10.500 đồng/cổ phần.
 - Cán bộ công nhân viên mới tuyển dụng có Hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên được mua: 26.400 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần.
 - Các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược, tiềm năng được mua 1.093.600 cổ phần với giá 11.000 đồng/cổ phần.
- Kết quả phát hành:

Đối tượng phát hành	Giá chào bán (đồng/cổ phần)	Số cổ phần chào bán (CP)	Số cổ phần đăng ký mua	Số người được phân phối	Số cổ phần được phân phối
Cổ đông hiện hữu	10.500	880.000	880.000	75	1.112.486
CBCNV	10.000	26.400	19.650	09	19.650
Tổ chức, cá nhân tiềm năng	11.000	1.093.600	867.864	06	867.864
Tổng cộng		2.000.000	1.767.514	90	2.000.000

Nguồn: LICOGI 14

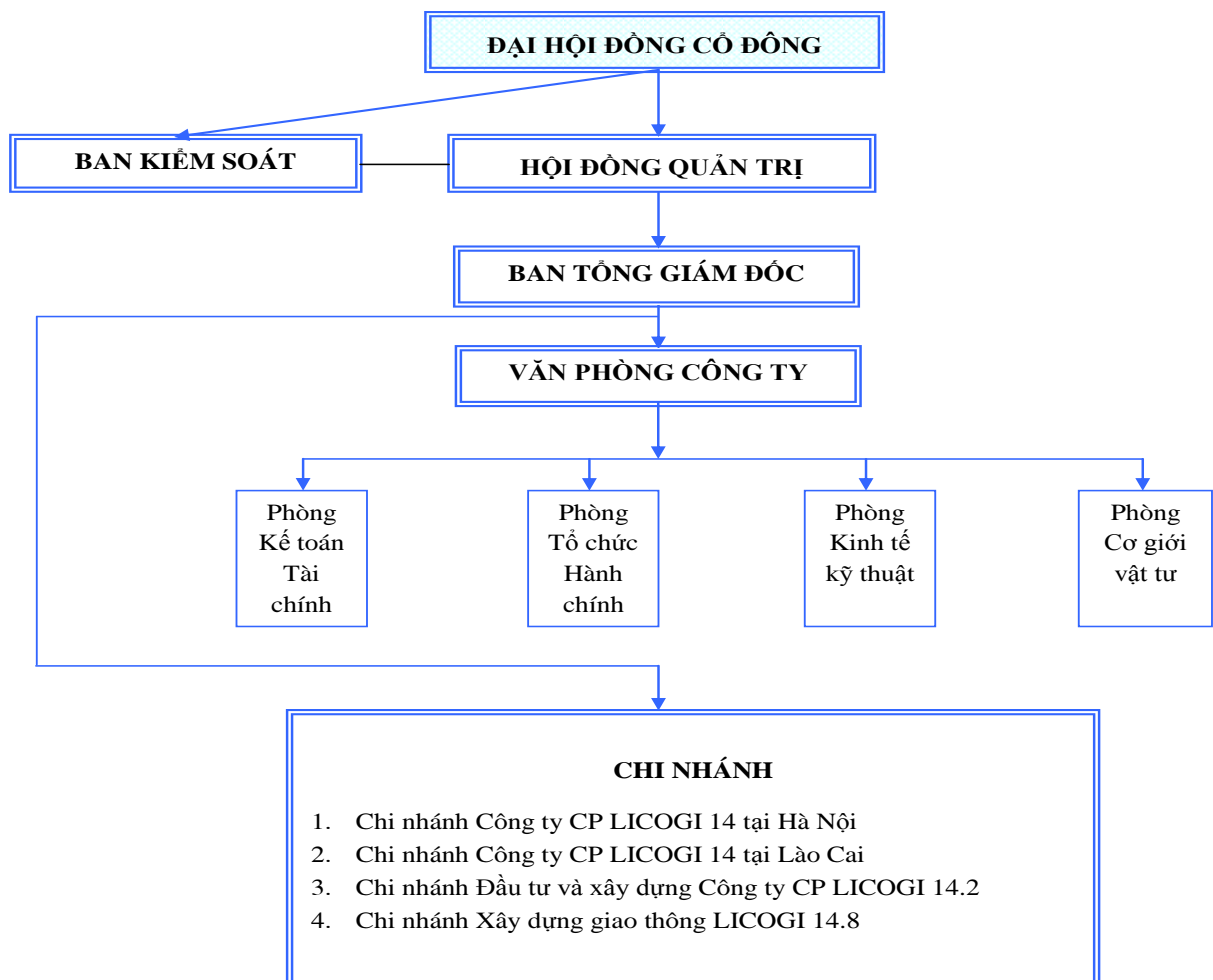
Ghi chú: Ngày 31/8/2007, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 572/LICO GI 14 về việc xử lý số cổ phần dôi dư trong đợt phát hành từ 8,8 tỷ đồng lên 28,8 tỷ đồng, theo đó số cổ phần dôi dư được chào bán cho các cổ đông hiện hữu có nhu cầu mua thêm.

Đợt phát hành đã được thực hiện thành công với số cổ phần phát hành là 2.000.000 cổ phần. Sau đợt phát hành, Công ty đã tiến hành đăng ký đại chúng với UBCKNN và được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 01/09/2008.

Ngày 24/09/2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất với số vốn mới là 28,8 tỷ đồng.

3. Cơ cấu tổ chức và Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý Công ty



3.1. Cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty**TRỤ SỞ CÔNG TY**

Địa chỉ: Số 2068, đại lộ Hùng Vương, Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ

Điện thoại: 02103 953 543

Fax: 02103 953 542

Website: www.licogi14.com.vn

CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**❖ Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Licogi 14.2**

Địa chỉ: Tầng 3, số 2068, Đại lộ Hùng Vương, Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ

Điện thoại: (0210) 3953 540

Fax: (0210) 3953 540

Giám đốc: Ông Hoàng Hàng Hải

❖ Chi nhánh Licogi 14 tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 249 Hoàng Văn Thái - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại: (04) 35638 009

Fax: (04) 35638 009

Giám đốc: Ông Phạm Gia Lý

❖ Chi nhánh Licogi 14 tại Lào Cai

Địa chỉ: Số 14 Đường Nguyễn Công Hoan - Thành phố Lào Cai - tỉnh Lào Cai

Điện thoại: (020) 3832 692

Fax: (020) 3832 692

Giám đốc: Ông Bùi Tiến Sỹ

❖ **Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8**

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Điện thoại: (020) 3832 692 **Fax:** (020) 3832 692

Giám đốc: Ông Nguyễn Tiến Hải

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 14 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty và có nhiệm vụ:

- Thông qua điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các nhiệm vụ khác do điều lệ quy định.

❖ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty gồm có 05 thành viên, cụ thể:

- | | |
|---------------------|-----------------------------------------------------|
| Ông Đặng Đắc Bằng | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Phạm Gia Lý | - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | - Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Vũ Quảng | - Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc |
| Ông Trần Thế Bình | - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Trưởng phòng TC-HC |

❖ **Ban Kiểm soát:** là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên gồm:

- | | |
|-------------------|-------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Sim | - Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Tạ Thiên Năng | - Ủy viên Ban kiểm soát |
| Bà Vũ Thị Vân Nga | - Ủy viên Ban kiểm soát |

❖ **Tổng Giám đốc:** là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng theo đề nghị của

Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời gian tối đa là năm năm và có thể được tái bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng tiếp với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 3 thành viên, cụ thể:

- Ông Phạm Gia Lý - Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Vũ Quảng - Phó Tổng Giám đốc

- ❖ **Kế toán trưởng:** do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký kết hợp đồng với thời gian tối đa là năm năm và có thể được tái bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng tiếp với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Công ty hiện tại là Bà Lê Thị Thanh.

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty trong quá trình điều hành là các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ. Các phòng ban này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do Ban Tổng giám đốc giao phó.

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính**

Phòng Tổ chức hành chính là phòng giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý sử dụng lao động và công tác hành chính phục vụ.

Nhiệm vụ của phòng Tổ chức Hành chính bao gồm:

- Tuyển dụng lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh;
- Bố trí, sắp xếp, điều động lao động cho phù hợp với trình độ tay nghề, sở trường;
- Xem xét, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác cán bộ;
- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động về ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp, nghỉ hưu và công tác BHXH, BHYT, BHTN;
- Quản lý, điều hành sử dụng các trang thiết bị, cơ sở vật chất, văn phòng phẩm...;
- Trực tiếp làm công tác an ninh, quân sự, dân quân tự vệ, phòng cháy chữa cháy...;
- Kiểm tra đôn đốc, giám sát việc thực hiện các quy định của Công ty đối với lao động.

➤ **Phòng Kế toán Tài chính**

- Lập kế hoạch tài chính hàng năm và lâu dài, hướng dẫn, kiểm tra công tác tài chính ở các chi nhánh, công trường;
- Kiểm tra tính chính xác, hợp lý, hợp lệ chi phí ở tất cả các công trình, các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh;

- Lập báo cáo tài chính hàng năm trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;
- Quản lý vốn và việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, tăng lợi nhuận;
- Tổ chức thu hồi công nợ, quản lý cổ đông.

➤ **Phòng Kế hoạch – Kinh tế - Kỹ Thuật**

- Lập kế hoạch sản xuất hàng năm và dài hạn;
- Lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình hoặc phối kết hợp với các công trường làm công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn;
- Làm công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm;
- Kiểm soát chi phí đầu vào ở tất cả các công trình;
- Lập dự án đầu tư theo kế hoạch và đột xuất.

➤ **Phòng Cơ giới – Vật tư**

- Tổ chức đấu thầu mua, bán thiết bị máy móc;
- Quản lý, điều động thiết bị theo yêu cầu sản xuất;
- Tổ chức sửa chữa, thay thế, trung đại tu xe máy thiết bị;
- Mua, bán các loại vật tư và cung cấp vật tư chính theo yêu cầu sản xuất;
- Trực tiếp quản lý cửa hàng xăng dầu của Công ty;
- Tổ chức vận chuyển xe máy, thiết bị đến các công trường thi công.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/5/2011

Bảng 1: *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/05/2011*

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	Nhà G1, Nam Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội	0106000699	792.000	27,5%
	Người đại diện:				
	- Đặng Đắc Bằng	Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội	201557634	475.200	16,5%
	- Phạm Gia Lý	Phường Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ	130876559	316.800	11,0%
Tổng cộng				792.000	27,5%

Nguồn: LICOGI 14

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	Nhà G1, Nam Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội	0106000699	792.000	27,5%
	Người đại diện:				
	- Đặng Đắc Bằng	Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội	201557634	475.200	16,5%
	- Phạm Gia Lý	Phường Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ	130876559	316.800	11,0%
2	Phạm Gia Lý	Phường Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ	130876559	108.410	3,764%
3	Nguyễn Văn Tuấn	Phường Vân Cờ, Việt Trì, Phú Thọ	130192317	17.030	0,59%
4	Nguyễn Ngọc Anh	Phường Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ	131310688	15.240	0,529%
5	Trần Thế Bình	Phường Vân Cờ, Việt Trì, Phú Thọ	060514160	11.550	0,401%
Tổng cộng				944.230	32,79%

Nguồn: LICOGI 14

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu. Do đó cổ phần của cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/05/2011

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	02	2.880.000	28.800.000.000	100,00%
	Tổ chức	02	892.000	8.920.000.000	44,6%
	Cá nhân	186	1.988.000	19.880.000.000	55,4%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
	Tổ chức	0	0	0	0%
	Cá nhân	0	0	0	0%
	Tổng cộng	188	2.880.000	28.800.000.000	100,00%

Nguồn: LICOGI 14

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1 Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

5.2 Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

5.3 Công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết

📌 Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

- Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại: 0983125130 Fax: 020 864 506
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình hạ tầng kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
 - Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
 - Nghiên cứu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, sản xuất thiết bị và đào tạo cán bộ, công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)
- Số vốn LICOGI 14 đăng ký góp: 6.000.000.000 đồng
- Số vốn LICOGI 14 thực góp đến thời điểm 31/03/2011: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) chiếm 1% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà.

5.4 Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực là: thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, công trình thủy điện, đầu tư kinh doanh bất động sản và một số hoạt động kinh doanh khác như sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu...

6.1.1 Hoạt động thi công xây lắp

❖ Xây dựng các công trình thủy điện

Công ty LICOGI 14 đã tham gia xây dựng các công trình thủy điện trên khắp cả nước, tiêu biểu như các công trình sau:



Đập chính nhà máy thủy điện Hòa Bình



Nhà máy thủy điện Bàn Chát



Nhà máy thủy điện Thác Mơ



Nhà máy thủy điện Sơn La



Đập nước nhà máy thủy điện Đa Mi



Nhà máy thủy điện Bắc Hà

Trong đó, Công trình thủy điện Bắc Hà là công trình được tiếp tục thực hiện từ năm 2008. Trong năm 2010, Công ty đảm nhận thi công hạng mục đường vận hành vào Nhà máy (Đường Thuận Hải), giá trị thực hiện được là 8,5 tỷ đồng.

❖ Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Công ty LICOGI 14 đã tham gia xây dựng một số công trình lớn sau:



Nhà máy tuyển quặng apatit Lào Cai



Nhà ga T1 sân bay quốc tế Nội Bài



Nhà máy thực phẩm Nghĩa Mỹ



Chung cư Sinh viên Thành phố Việt Trì



Nhà máy lắp ráp ô tô Ford, Hải Dương



Nhà máy chế biến bột mì Cái Lân



Nhà máy luyện gang thép Việt Trung (Lào Cai)



Khu tái định cư Bảo Thắng - Lào Cai

Trong năm 2009 và 2010, Công ty cũng triển khai thi công Khu tái định cư Hợp Xuân - Bảo Thắng - Lào Cai, Công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Minh Phương, Công trình xây dựng chung cư sinh viên (02 nhà ký túc xá sinh viên 9

tầng), Công trình trường THCS Đại Sơn - Yên Bái, Công trình trường THCS Đại Sơn - Yên Bái.

❖ **Xây dựng giao thông và hạ tầng kỹ thuật**

Trong những năm gần đây, Công ty đã tham gia làm mới, mở rộng và nâng cấp quốc lộ 1A, quốc lộ số 2, quốc lộ 51, đường Hàm Thuận – Đa Mi, đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường nội thành ở Việt Trì, Yên Bái, thi công kênh thải hồ nhà máy nhiệt điện Phả Lại bằng phương pháp cốp pha trượt, san nền Khu công nghiệp Phú Mỹ, lấn biển mở đường tại Quảng Ninh, đóng cọc nhà ga sân bay quốc tế Nội Bài, san ủi mặt bằng Khu công nghiệp Thăng Long – Hà Nội và Công trình San nền mặt bằng Nhà máy gang thép Lào Cai.

6.1.2 Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu

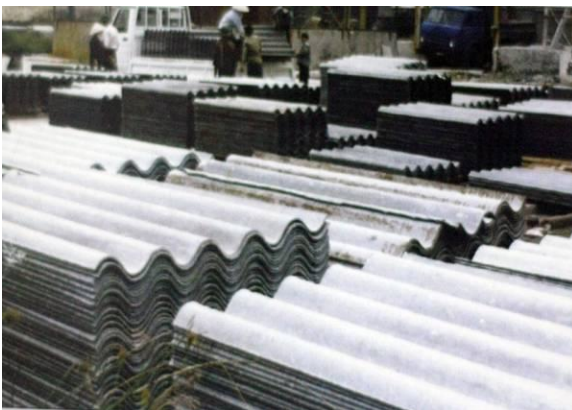
Công ty chủ yếu sản xuất vật liệu xây dựng như khai thác đá, sản phẩm gạch block, gạch tuyn – nen, cấu kiện bê tông đúc sẵn, tập lợp fibroximang....

Về sản xuất đá: Công ty đã đầu tư Tổ hợp 01 dây chuyền nghiền sàng đá với công suất 50m³/h, đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị khác và tổ chức khai thác, chế biến thành phẩm đá xây dựng các loại. Năm 2009, sản phẩm đá xây dựng các loại đã được cung cấp một phần cho việc thi công các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Bắc Hà. Năm 2009 đạt sản lượng thực hiện là 10,209 tỷ đồng.

Năm 2010 Công ty tiếp tục tổ chức khai thác, chế biến thành phẩm đá xây dựng các loại. Tại mỏ đá Tân Hồ, Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai để phục vụ thi công xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai, các công trình khác của Công ty trên địa bàn tỉnh Lào Cai và cung cấp ra thị trường, giá trị đạt được năm 2010 là: 4,2 tỷ đồng.

Về kinh doanh xăng dầu: Việc kinh doanh xăng dầu là để vừa bán ra thị trường đồng thời cung cấp nhiên liệu cho công tác thi công xây lắp. Do trạm xăng dầu của Công ty nằm ở cửa ngõ ra vào của Thành phố Việt Trì nên lượng xăng dầu bán ra thị trường tương đối lớn. Năm 2009, giá trị tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt trên 18,138 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 300 triệu. Năm 2010 giá trị tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt trên 20 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã nộp tiền sử dụng đất cho tỉnh Lào Cai, triển khai san tạo mặt bằng, lắp dựng văn phòng, cửa hàng xăng dầu, trạm bảo hành sửa chữa thiết bị tại Km36 Bảo Thắng- Lào Cai, mức đầu tư đạt khoảng 2 tỷ đồng.

Sản xuất bê tông thương phẩm: Đưa vào đầu tư và hoạt động từ tháng 9 năm 2009 với tổ hợp trạm trộn bê tông công suất 45m³/h, 02 ô tô chuyên trộn dung tích thùng trộn 9m³, năm 2010 trạm trộn sản xuất ra chủ yếu phục vụ xây dựng công trình nhà ký túc xá 9 tầng A và bán một lượng nhỏ ra thị trường, sản lượng đạt được khoảng 3,1 tỷ.

Hình ảnh một số sản phẩm dịch vụ của Công ty*Cấu kiện công rung bê tông đúc sẵn**Khai thác chế biến đá xây dựng**Trạm trộn bê tông nhựa nóng**Trạm trộn bê tông thương phẩm**Tấm lợp fibroximăng**Cửa hàng kinh doanh xăng dầu***6.1.3 Hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản**

Công ty hiện đã và đang đầu tư, chuẩn bị đầu tư vào các dự án như:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và dịch vụ thương mại Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, quy mô 59,03ha.
- Dự án nhà máy thủy điện Bảo Nhai, tỉnh Lào Cai, công suất 14MW.
- Dự án nhà máy thủy điện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, công suất 90MW.
- Đầu tư thiết bị: Để đáp ứng được năng lực sản xuất năm 2010 Công ty đã đầu tư

thêm 01 máy san KOMATSU của Nhật 110CV, 02 máy ủi KOMATSU của Nhật đã qua sử dụng 410CV, 02 máy lu rung Trung Quốc mới 100% tải trọng 14 tấn, 01 Cầu tháp Trung Quốc mới 100%, giá trị đầu tư là: 4,55 tỷ đồng.

6.2. Sản lượng sản phẩm, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận qua các năm

Bảng 4 - Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: đồng

T T	Khoản mục	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Kinh doanh thương mại	18.534.295.990	25,56	23.380.246.158	18,69	6.031.589.336	29,3
2	Hoạt động xây lắp	53.971.899.923	74,44	101.696.235.051	81,31	14.579.507.628	70,7
	Tổng cộng	72.506.195.913	100	125.076.481.209	100	20.611.096.964	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 do Công ty tự lập

Bảng 5 - Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Khoản mục	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Kinh doanh thương mại	904.931	12,5	1.166.883	12,1	143.957	6,25
2	Hoạt động xây lắp	6.327.537	87,5	8.476.859	87,9	2.159.192	93,75
	Tổng cộng	7.232.468	100	9.643.742	100	2.303.149	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 do Công ty tự lập

Ghi chú:

Công ty đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010, trong đó doanh thu, giá vốn và các giao dịch nội bộ khác giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Đầu tư xây dựng 14.2 phát sinh trong năm 2009 đã được điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29. Số liệu điều chỉnh như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009 Trước điều chỉnh	Năm 2009 Sau điều chỉnh
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.341.242.365	72.506.195.913
2	Giá vốn hàng bán	91.717.021.374	65.273.727.245

3	Chi phí hoạt động tài chính	3.882.203.660	3.199.427.765
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.518.171.809	1.809.195.381

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam cũng đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với Báo cáo tài chính của LICOGI 14 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010.

Có thể thấy, cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm có sự dịch chuyển theo hướng tích cực. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp có sự tăng trưởng mạnh mẽ, với tốc độ tăng doanh thu xây lắp năm 2009 là 13,5%; năm 2010 là 88,4%.

Năm 2010, mặc dù nền kinh tế cả nước có nhiều khó khăn, lạm phát cao, chỉ số CPI tăng 11,75%, trong đó ngành xây dựng chịu ảnh hưởng lớn như: giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng biến động tăng cao nhiều đợt (đặc biệt là thời điểm cuối năm 2010); lãi suất ngân hàng tăng cao, các Ngân hàng lại thắt chặt tín dụng gây khó khăn trong việc huy động vốn của Công ty, nhưng với kinh nghiệm quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh sáng suốt, linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng công trình, từng thời điểm của ban lãnh đạo Công ty đã thúc đẩy thi công các công trình, mang lại sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu so với năm 2009. Năm 2010, các công trình được triển khai tiếp từ năm 2009 tiếp tục mang lại doanh thu lớn cho Công ty như Công trình đường Thuận Hải thuộc dự án Nhà máy thủy điện Bắc Hà: doanh thu 13,22 tỷ đồng; Công trình Nhà ký túc xá sinh viên Việt Trì: doanh thu 16,6 tỷ đồng; Công trình Khu tái định cư Hợp Xuân: doanh thu 4,6 tỷ đồng; Công trình cầu Tê Lẽ - Tam Nông: doanh thu 6,7 tỷ đồng ... Đặc biệt Quý II/2010, Công ty đã trúng thầu công trình san nền mặt bằng nhà máy gang thép Lào Cai, phát huy được thiết bị sẵn có, đồng bộ của Công ty và đã mang lại doanh thu 46,87 tỷ đồng... Ngoài ra hoạt động kinh doanh xăng, dầu tiếp tục mang lại doanh thu đáng kể cho Công ty: 21,6 tỷ đồng; hoạt động kinh doanh bê tông thương phẩm cũng có mức doanh thu tăng trưởng mạnh, gấp 5 lần so với năm 2009 đạt mức 1,7 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty luôn luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan. Tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty luôn đoàn kết, chung sức, chung lòng, kiên trì thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Lực lượng cán bộ, công nhân lành nghề, có kinh nghiệm công tác lâu năm cũng là một thế mạnh giúp Công ty đảm bảo chất lượng và yêu cầu của công việc, sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả.

6.3. Nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu gồm xi măng, sắt, thép, cát đá..., các loại nguyên vật liệu này được Công ty mua từ các nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng đáp ứng tốt nhu cầu của Công ty trong quá trình thi công, lắp đặt, xây dựng.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Do nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho công tác thi công, lắp đặt, xây dựng của Công ty thường rất lớn, bên cạnh đó giá của các loại nguyên vật liệu này thường xuyên biến động, để đảm bảo sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã chủ động thực hiện lựa chọn và ký kết các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp có uy tín, điều này đã giúp cho Công ty luôn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng cho công tác thi công, bên cạnh đó công ty còn được các nhà cung cấp giành cho các chính sách ưu đãi về giá, tín dụng..... cũng như sự ưu tiên cung cấp khi thị trường nguyên vật liệu khan hiếm hoặc biến động mạnh.

Bảng 6 - Một số nhà cung cấp thường xuyên của Công ty

TT	Nguyên, phụ liệu	Nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Thép, xi măng, đinh các loại	Công ty TNHH Thanh Quế	3111- Hùng Vương- Vân Cơ - Việt Trì – Phú Thọ
2	Thép các loại	CTCP Đầu tư và TM STELTEC Hà Nội	14 hẻm 486/14/8 Ngõ 486 - Ngõ Gia Tự - Đức Giang- Long Biên- Hà Nội
		Công Ty TNHH XD & TM Hải Tuấn	102-Tổ 17- Khu2A - Nông Trang - Việt Trì - Phú Thọ
		Công ty TNHH XD&TM Thái Bình Minh	093 Đường Nguyễn Du - Kim Tân - Lào Cai
3	Gạch các loại	CTCP Gốm XD Phong Châu	Xã Tử Đà, Phù Ninh, Phú Thọ
4	Khung giáo, cốt pha	CTCP XD Ngọc Vũ	161 tổ 16c, khu 2A-Nông Trang -Việt Trì - Phú Thọ
		CTCP SX cơ khí XD Hoàng Tân	198 Nguyễn Ngọc Nại, Khương Mai - Thanh Xuân – Hà Nội
5	Đá các loại	CTCP Khoáng sản Tây Bắc	709 - Hùng Vương - Bến Gót - Việt Trì - Phú Thọ

TT	Nguyên, phụ liệu	Nhà cung cấp	Địa chỉ
		Công ty TNHH XD TH Minh Đức	79B Quý Hoá - Kim Tân - Lào Cai
		CTCP khai thác chế biến đá Cự Đồng	Cự Thắng - Thanh Sơn - Phú Thọ
6	Cát, đá, sỏi các loại	Công ty TNHH SX TM & XD Minh Hoàng	Thôn Tam Quan - Thị trấn Gia Khánh Huyện Bình Xuyên - Vĩnh Phúc
		Công ty TNHH TM Anh Đức	Khu 2 - Dữu Lâu - Việt Trì - Phú Thọ
7	Xi măng các loại	Công ty TNHH TM Toàn Thịnh	Phố Sông Thao - Thọ Sơn - Việt Trì - Phú Thọ
8	Xăng dầu các loại	Công ty Xăng Dầu Phú Thọ	2068 Đại lộ Hùng Vương, Việt Trì - Phú Thọ
		Công ty Xăng Dầu Lào Cai	495 Đường Hoàng Liên - Lào Cai
9	Nhựa đường các loại	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	195 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội
10	Thuốc nổ các loại	Công ty vật tư công nghiệp quốc phòng	21 Linh Lang Cống vị - Ba Đình - Hà Nội
		Cty công nghiệp hoá chất mỏ Tây Bắc	024 - Lê Lai - Kim Tân - Lào Cai
11	Dầu MaZU J, Xăng các loại	Cty TNHH Hải Linh	Tổ 10 - khu 2 Vân Cơ - Việt Trì - Phú Thọ
12	Bột đá các bonat, can xi	Cty TNHH Chính Dũng	Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái
13	Sửa chữa máy móc thiết bị	CN Công ty TNHH KOBELCO Việt Nam	No 2, Đường TS12 - KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh
14	Thiết bị nước	Cửa hàng Vũ Thị Tuyết Anh	303 - Nguyễn Huệ - Phố Mới - Lào Cai
15	Gạch chịu lửa, lưới song, tấm lát, bếp phun	Nhà máy ô tô 1-5	KM15 - QL3 - Đông Anh - Hà Nội
16	Ống cống bê tông cốt thép phi 1500	Doanh nghiệp Phú Trung	207Đ4E - Bắc Cường TP Lào Cai
17	Dây cáp, kẹp hãm, đai thép, khoá đai, gối treo	Công ty TNHH TB điện công nghiệp	2409Đ Hùng Vương - Nông Trang - Việt Trì - Phú Thọ

Nguồn: LICOGI 14

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ lệ từ 65-70% giá thành của công trình nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn do sự biến động về giá nguyên vật liệu trên thị trường. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực từ thị trường nguyên vật liệu mang lại, Công ty thường tính toán để lên kế hoạch dự trữ mức nguyên vật liệu ở mức hợp lý, bên cạnh đó việc ký kết các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp cũng là một trong những biện pháp được áp dụng để bình ổn nguồn đầu vào của Công ty.

❖ Ảnh hưởng của giá đất đầu vào tới lợi nhuận của Công ty

Chi phí mua đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đền bù giải phóng mặt bằng thường chiếm tới 20 - 30% thậm chí là 50% chi phí đầu vào của các dự án. Do vậy các loại chi phí liên quan đến đất đai cũng ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận của Công ty qua các năm.

Hiện nay Công ty thực hiện tìm nguồn đất đầu vào để thực hiện dự án qua các phương thức như mua đất, xin giao đất của Nhà Nước có thu hồi tiền sử dụng đất để thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị, liên doanh liên kết với các đối tác để dựa vào nguồn đất mà họ đã có sẵn.

6.4. Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của Công ty hiện đang ở mức trung bình so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực hoạt động. Công ty đã đưa ra các biện pháp tổ chức thi công hợp lý, tính toán các mức độ khấu hao thiết bị cũng như mức luân chuyển vật tư để tạo ra các lợi thế cạnh tranh.

Bảng 7 - Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Đơn vị: đồng

TT	YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
	Doanh thu thuần	72.506.195.913		125.076.481.209		20.611.096.964	
1	Giá vốn hàng bán	65.273.727.245	90,03%	115.432.738.306	94,31%	18.307.947.235	88,83%
2	Chi phí bán hàng	381.480.806	0,53%	526.999.152	0,43%	124.575.331	0,60%
3	Chi phí quản lý DN	1.809.195.381	2,50%	3.365.565.632	2,75%	1.072.444.283	5,20%
4	Chi phí hoạt động tài chính	3.199.427.765	4,41%	3.065.911.651	2,51%	574.829.384	2,79%
	TỔNG CHI PHÍ	70.663.831.197	97,46%	122.391.214.741	97,85%	20.079.796.233	97,42%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 do Công ty tự lập

6.5. Trình độ công nghệ

Công ty không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh và

công việc quản lý, đặc biệt là các máy móc phục vụ thi công, các thiết bị cho công tác kiểm tra chất lượng. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ đi học, đào tạo nhân viên, tuyển dụng các kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm về làm việc để có thể sử dụng được thành thực và hiệu quả các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty.

Công ty có hệ thống trang thiết bị đồng bộ phục vụ cho công tác thi công cũng như công tác kiểm tra chất lượng công trình.

*** Thiết bị thi công:**

Bảng 8 – Năng lực thiết bị thi công của Công ty

TT	Tên thiết bị	ĐV	SL	Nước SX	Năm SX
I	Ô tô thi công		43		
1	Ô tô HYUNDAI - HD 270 15 tấn	Cái	5	Hàn quốc	2005
2	Ô tô Kpaz - 65055	Cái	5	Nga	2004
3	Ô tô KAMAZ 65115	Cái	5	Nga	2002
4	Ô tô DAEWOO	Cái	2	Hàn quốc	2002
5	Ô tô Maz 5511	Cái	3	Liên Xô	1995
6	Ô tô Maz 5549	Cái	1	Liên Xô	1995
7	Ô tô Kpaz - 256b	Cái	8	Liên Xô	1995
8	Ô tô téc HYUNDAI	Cái	1	Hà Quốc	1998
9	Ô tô tự đổ HOWO 15 tấn	Cái	7	Trung Quốc	2006
II	Xe phục vụ		5		
1	Xe con TOYOTA - CAMRY	Cái	1	Nhật	2006
2	Xe bán tải Ford - Ranger	Cái	1	Nhật	2001
3	Xe con MITSUBISHI - Jolie	Cái	1	Nhật	2001
4	Xe con TOYOTA - COROLA	Cái	1	Nhật	1992
III	Máy đào		15		
1	Máy đào KOMATSU PC200-6	Cái	01	Nhật	2008
2	Máy đào KOMATSU PC200-5	Cái	01	Nhật	1992
3	Máy đào bánh xích KOMATSU PC350 LC - 6	Cái	01	Nhật	2007
4	Máy đào KOMATSU PC400-6	Cái	1	Nhật	2005
5	Máy đào KOBECO 330-6 SK330	Cái	1	Nhật	2004
6	Máy đào KOBECO 480-6 SK480	Cái	1	Nhật	2004
7	Máy đào DAEWOODH07	Cái	1	Hàn quốc	1999
8	Máy đào HITACHI EX 300	Cái	2	Nhật	1996-2000
IV	Máy lu, đầm		23	Nhật	
1	Lu lớp SAKAI TS - 150	Cái	1	Nhật	
2	Lu rung YZ 14 JC	Cái	2	Trung Quốc	2004-2007
3	Đầm Sakai R2	Cái	1	Nhật	2002
4	Máy lu rung Liugong Cl614	Cái	05	Trung Quốc	2009
5	Đầm cóc Mikasa	Cái	3	Nhật	2004-2006
6	Đầm Dynapac	Cái	1	Đức	2001
7	Đầm lớp Moaz-546	Cái	1	Nga	2000
8	Đầm rung Sakai	Cái	1	Nhật	1999

TT	Tên thiết bị	ĐV	SL	Nước SX	Năm SX
9	Đầm rung BOMAG 213D	Cái	1	Đức	2000-2004
V	Máy ủi		16		
1	Máy ủi CATERPILER D7	Cái	1	Nhật	2005
2	Máy ủi CATERPILER D6R	Cái	1	Nhật	2004
3	Máy ủi CATERPILER D7	Cái	1	Mỹ	2004
4	Máy ủi CATERPILER D6H	Cái	1	Nhật	2004
5	Máy ủi KOMATSU D60A	Cái	1	Nhật	2004
6	Máy ủi T-130	Cái	1	Nga	2002
7	Máy ủi T-170M1	Cái	1	Nga	2003
8	Máy ủi KOMATASU 410CV	Cái	1	Nhật	1999
9	Máy ủi FIAT 14C	Cái	1	ý	1998
10	Máy ủi KOMASU D355 A-410CV	Cái	2	Nhật	1996-2010
VI	Máy cùn trục				
1	Cầu tháp	Cái	1	Trung Quốc	2010
2	Cùn trục ADK - 12.5	Cái	1	Đức	1996
3	Cùn trục MAZ 5362	Cái	1	Nga	1998
4	Cùn trục KC - 3575A	Cái	1	Nga	1998
VII	Thiết bị Bê tông nhựa				
1	Trạm trộn BTN 50tấn/h	Cái	1	Việt Nam	2002
2	Máy rải DEMAG 110CV	Cái	1	Đức	2003
3	Máy rải SUMITOMO	Cái	1	Nhật	2000
VIII	Trạm trộn Bê tông xi măng				
1	Dây chuyền trạm trộn 45m ³ /h	Cái	1	Việt Nam	2009
2	Xe vận chuyển thùng quay 10m ³	Cái	2	Trung Quốc	2009
IX	Máy khoan đá				
1	Máy khoan thủy lực Nhật Bản Toyoky đường kính fi76	Cái	3	Nhật Bản	2005
2	Máy khoan đá CHD - 700	Cái	1	Mỹ	2004
3	Máy khoan đá CHD - 710	Cái	1	Mỹ	2004
4	Máy khoan đá BTC - 150	Cái	1	Nga	1994
5	Máy khoan đá CBY - 100	Cái	1	Liên Xô	1987
6	Máy ép khí PB - 10	Cái	2	Liên Xô	1996
7	Máy ép khí DK - 9	Cái	1	Liên Xô	1996
8	Máy khoan ngang	Cái	1	Liên Xô	1983
9	Máy nén khí	Cái	4	Nhật bản	2003
10	Máy khoan cầm tay D42cm	Cái	10	Nhật Bản	2003
X	Máy san				
1	Máy san LIVALO	Cái	1	Liên Xô	1998
2	Máy san MITSUBISHI MG3	Cái	1	Nhật Bản	2002
3	Máy san KOMATSU	Cái	1	Nhật Bản	2002
XI	Máy xúc lật				
1	Máy xúc lật KAWASAKI	Cái	1	Nhật Bản	2007
XII	Máy trắc đạc				
1	Máy toàn đạc điện tử Topcon Nhật	Cái	1	Nhật Bản	2004
2	Máy thủy chuẩn	Cái	1	Nhật Bản	2009

TT	Tên thiết bị	ĐV	SL	Nước SX	Năm SX
XIII	Thiết bị thi công công trình dân dụng				
1	Máy trộn bê tông 250 l	Cái	4	Trung Quốc	2006
2	Đầm dùi	Cái	10	Trung Quốc	2005
3	Đầm bàn	Cái	10	Trung Quốc	2005
4	Cốp pha thép định hình	m2	2000	VN	2004
5	Dàn giáo	Cái	100	VN	2004
6	Máy vận thăng 0,5T	Cái	2	Trung Quốc	2004
7	Máy cắt uốn	Cái	5	VN	2004
8	Máy hàn	Cái	4	VN	2005
9	Máy trộn bê tông+đầu nô Trung Quốc	Cái	3	Trung Quốc	2004
XIV	Máy thiết bị khác				
1	Dây truyền nghiền sàng đá TDSU-50	Cái	1	Nga	2004
2	Dây truyền công rung BTCT	Cái	1	Việt Nam	2003
3	Máy phát điện CUMIN	Cái	1	Mỹ	2003
4	Máy hàn ACD-300	Cái	2	Nga	1994
5	Máy phát điện AD-60P	Cái	1	Liên Xô	1995

Nguồn: LICO GI 14

*** Thiết bị kiểm tra chất lượng công trình:**

Bảng 9 – Năng lực thiết bị kiểm tra chất lượng công trình của Công ty

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	SL	Nơi cung cấp
I	Thiết bị thí nghiệm đất			
1	Cối, chày Proctor tiêu chuẩn	Bộ	1	LD Comat
2	Cối, chày Proctor cải tiến	Bộ	1	LD Comat
3	Máy CBR cung lực 50KN và các phụ kiện kèm theo	Chiếc	1	LD Comat
4	Khuôn CBR, các phụ kiện kèm theo, đồng hồ, giá đỡ, giá tải	Bộ	12	LD Comat
5	Tấm phân cách	Chiếc	1	LD Comat
6	Thiết bị xác định giới hạn chảy	Bộ	1	LD Comat
7	Thiết bị xác định giới hạn dẻo	Bộ	1	LD Comat
8	Bộ sàng tiêu chuẩn	Bộ	1	LD Comat
9	Sàng rửa ốt	Bộ	1	LD Comat
10	Dụng cụ xác định PP phễu rót cát	Bộ	1	T. Quốc
11	Dụng cụ xác định độ chặt PP dao đai, búa rã, mũ chụp, 9 dao đai V 250 cm3	Bộ	1	T. Quốc
12	Bình trọng 50 - 100 cm3	Bộ	1	T. Quốc
13	Bộ sàng cát tiêu chuẩn ASTM f200mm	Bộ	1	LD Comat
14	Dao gạt đất	Bộ	1	LD Comat
15	Dao trộn đất	Bộ	1	LD Comat
16	Thiết bị ép lún mặt nền (Kích gia tải, tấm ép tĩnh)	Bộ	1	LD Comat

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	SL	Nơi cung cấp
II	Thí nghiệm cốt liệu, BT XM			
1	Máy nén thủy lực 150 tấn	Chiếc	1	T. Quốc
2	Khuôn lập phông 15x15x15cm	Chiếc	15	LD Comat
3	Khuôn hình trụ	Chiếc	9	LD Comat
4	Đảm dùi D 28mm	Chiếc	1	LD Comat
5	Dụng cụ xác định độ sụt của BT	Bộ	2	LD Comat
6	Dụng cụ xác định dung trọng cốt liệu 2,8 lít; 9,5 lít	Bộ	1	LD Comat
7	Bình tỷ trọng 500ml	Chiếc	1	T. Quốc
8	Khuôn 5x5x5cm	Chiếc	12	LD Comat
9	Bàn dẫn vữa xi măng	Bộ	1	LD Comat
10	Dụng cụ kim Vicat	Bộ	1	LD Comat
11	Hệ thống thiết bị ép 3 cạnh ống cống tròn BTCT	Bộ	1	LD Comat
III	Thí nghiệm BT Asphan			
1	Máy nén Marshall cung lực 50KN, và các phụ kiện kèm theo	Bộ	1	LD Comat
2	Bộ tạo mẫu Marshall	Bộ	1	LD Comat
3	Khuôn mẫu Mashall	Chiếc	9	LD Comat
4	Thiết bị triết suất nhựa ly tâm	Bộ	1	LD Comat
5	Thiết bị ôn nhiệt	Bộ	1	LD Comat
6	Máy khoan mẫu, mũi khoan kim cương và các phụ kiện kèm theo	Bộ	1	LD Comat
7	Thiết bị đo nhám mặt đường bằng PP rắc cát	Bộ	1	LD Comat
8	Thước 3m	Bộ	2	LD Comat
9	Thiết bị đo vồng mặt đường (Cân Benkenman)	Bộ	1	LD Comat
IV	Thiết bị dùng chung			
1	Tủ sấy	Chiếc	1	T. Quốc
2	Bình hút âm	Chiếc	2	T. Quốc
3	Ống đồng	Chiếc	5	LD Comat
4	Dụng cụ chia từ 12,5 - 25mm	Bộ	4	T. Quốc
5	Cối, chà sứ	Bộ	1	LD Comat
6	Khay tôn, nhôm	Chiếc	8	LD Comat
7	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 360 ⁰ C	Chiếc	3	T. Quốc
8	Thước kẹp kỹ thuật	Chiếc	2	T. Quốc
9	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	2	LD Comat
10	Cân các loại	Chiếc	5	T. Quốc
V	Thiết bị đo đạc			
1	Máy kinh vĩ THEO-20A	Chiếc	1	Đức
2	Máy kinh vĩ 3T - 5K	Chiếc	3	Nga
3	Máy toàn đạc TC-605	Chiếc	1	Thụy Sĩ
4	Máy kinh vĩ 3T 2KD	Chiếc	1	Nga
5	Máy kinh vĩ 4T - 30P	Chiếc	1	Nga
6	Máy thủy chuẩn NA 824	Chiếc	1	Thụy Sĩ
7	Máy thủy chuẩn CHTB - KTD	Chiếc	1	Nhật
8	Máy toàn đạc GTS 225	Chiếc	1	Nhật

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	SL	Nơi cung cấp
9	Máy thủy bình NIKON	Chiếc	1	Nhật
10	Máy toàn đạc LAIKA 407	Chiếc	1	Nhật

Nguồn: LICOGI 14

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng

Chất lượng các sản phẩm của Công ty luôn được Công ty chú trọng nhằm tạo dựng uy tín của Công ty đến các khách hàng. Trong suốt quá trình của Công ty từ lập dự án đến khi kết thúc bàn giao công trình Công ty đều có Công ty tư vấn giám sát thực hiện việc kiểm tra, giám sát và nghiệm thu công trình.

Công ty có quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, vật tư chủ yếu được các đơn vị có uy tín cung cấp tới tận chân công trình với sự giám sát của Công ty và tư vấn giám sát, do vậy các công trình đều được thi công đúng tiến độ, đúng chất lượng và đúng thiết kế.

Trong quá trình thi công công trình, Công ty mời kỹ sư của đơn vị tư vấn giám sát trực tiếp giám sát tại hiện trường, nghiệm thu từng bộ phận, từng hạng mục và nghiệm thu sơ bộ từng hạng mục công trình. Sau khi nghiệm thu sơ bộ được thông qua, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát và nhà thầu cùng tiến hành nghiệm thu. Sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu sẽ mời các đơn vị ban ngành liên quan tiến hành nghiệm thu hoàn công và bàn giao công trình.

6.7. Hoạt động Marketing

Nhận thức sâu sắc về vấn đề thương hiệu, Công ty đã nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng. Trong quá trình phát triển của mình, LICOGI 14 đã trở thành một thương hiệu quen thuộc trong ngành xây dựng và là sự lựa chọn của nhiều Chủ đầu tư đối với các công trình xây lắp lớn đòi hỏi yêu cầu chất lượng cao.

Sản phẩm của Công ty cũng liên tục được đánh giá là đạt chất lượng cao trong nhiều năm liền. Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm bằng cách liên doanh, liên kết với các đối tác có uy tín về xây lắp để mang đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao.

Trong 28 năm xây dựng và phát triển, LICOGI 14 đã đạt được nhiều thành tích tiêu biểu như:



Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006



Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2006 do Thủ tướng Chính phủ trao tặng



Huân chương lao động hạng 3 năm 2007



Bằng khen của chủ tịch UBND Phú Thọ năm 2004



Huân chương lao động hạng nhất năm 1991



Huân chương lao động hạng nhì năm 1987



Huân chương lao động hạng nhất đội máy cạo bánh lớp năm 1986



Anh hùng lao động đội máy cạo bánh lớp năm 1985



Kỷ niệm chương Hùng Vương năm 2007

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại với biểu tượng logo của Công ty:



Ý nghĩa logo:

Biểu tượng LICOGI 14 gồm một hình tháp lớn (chứa những tam giác nhỏ) dạng kết cấu không gian. Phía trên phần đế gồm hai nét đậm và nhỏ hình cánh nhọn có xu hướng ăn sâu vào phần đế là bản thân chữ LICOGI 14.

Trên hình lập thể, tháp lớn có 4 cánh kết cấu dạng chóp khỏe, vững vươn tới đỉnh cao trên cùng. Bốn cánh này được đặt trên đế bao gồm bốn giải đôi neo xuống phần hạ tầng và 4

mặt chữ “LICOGI”. Toàn bộ đường nét của hình dáng và chữ đều mang màu đỏ tươi biểu hiện sự phát triển bền vững và những nỗ lực vươn tới không ngừng của các ngành nghề nền móng, hạ tầng, xây dựng và công nghiệp ... Khát vọng chiếm lĩnh những tầm cao mới của Công ty khi đất nước đang chuyển mình cho hiện đại hóa.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10 - Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành
I	Công trình san nền, hạ tầng kỹ thuật				
A	Năm 2009				
1	Trại tạm giam thuộc Công an - Lào Cai	12.350	Công an tỉnh Lào Cai	2008	2009
2	Bóc đất đá, khai thác quặng Deluvi và khai thác quặng gốc. Mỏ sắt quý sa	14.000	Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	2008	2009
3	San nền hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và dịch vụ thương mại Minh Phương	79.402	Chi nhánh LICOGI 14.2	2005	2009
4	San nền mặt bằng khu tái định cư Hợp Xuân - Bảo Thắng - Lào Cai	24.839	Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	2009	2009
B	Năm 2010				
1	San nền mặt bằng Nhà máy Gang thép Lào Cai	47.769	Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	2010	2010
II	Công trình giao thông				
A	Năm 2007				
1	Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai, Hạng mục: Đường Hoàng Liên Sơn II	9.000	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2005	2007
B	Năm 2009				
1	Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai: Hạng mục: Đường tránh ngập	5.000	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2005	2009
2	Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai: Hạng mục: Đường vận hành vào thủy điện	27.379	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2005	2009
3	Cầu xã Tè Lễ huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ	18.000	UBND huyện Tam Nông - Phú Thọ	2008	2009
C	Năm 2010				
1	Thi công xây dựng cầu Ngòi A - huyện Văn Yên - tỉnh Yên Bái	6.013	BQLDA công trình giao thông tỉnh Yên Bái	2009	2010

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành
D	Năm 2011				
1	Đường Trung tâm huyện Tân Sơn	25.000	UBND huyện Tân Sơn	2009	2011
2	Đường Chiêm Hóa - Trung Hòa - Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	9.088	UBND huyện Chiêm Hóa – tỉnh Tuyên Quang	2010	2011
III	Công trình thủy lợi, thủy điện				
A	Năm 2008				
1	Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai, Hạng mục: Đê quai thượng lưu	5.661	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2008	2008
2	Nhà máy thủy điện Bắc Hà, Hạng mục: Hồ móng đập chính	12.323	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2008	2008
B	Năm 2009				
1	Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai: Hạng mục: Đào, đắp đất đá hồ móng công trình	69.000	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2005	2009
2	Nhà máy thủy điện Bắc Hà, Hạng mục: Trạm phân phối điện	15.000	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2008	2009
C	Năm 2010				
1	Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai: Hạng mục: Khai thác, SX đá các loại	24.000	Tổng công ty XD và PT hạ tầng	2005	2010
D	Năm 2015				
1	Nhà máy thủy điện Bảo Nhai - Lào Cai - Công suất 14MW	396.000	LICO GI 14	2011	2015
IV	Công trình dân dụng, công nghiệp				
A	Năm 2009				
1	Nhà máy xi măng Thanh Ba, huyện Thanh Ba - tỉnh Phú Thọ	21.000	Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ	2008	2009
2	Thi công xây dựng Trường THCS Cẩm Nhân, huyện Văn Yên - Yên Bái	1.590	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái	2009	2009
B	Năm 2010				
1	Thi công xây dựng Trường THCS Đại Sơn, huyện Văn Yên - Yên Bái	2.846	Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái	2009	2010
C	Năm 2011				
1	Công trình dân cư mới thị xã Phú Thọ (13,4 ha)		LICO GI 14 (Đang trong giai đoạn khảo sát, lập dự án đầu tư)		
2	Khu đô thị phường Bình Minh thành phố Lào Cai – tỉnh Lào Cai (57ha)		LICO GI 14 (Đang trong giai đoạn khảo sát, lập dự án đầu tư)		

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Khởi công	Hoàn thành
3	Thi công xây dựng Nhà ký túc xá 9 tầng thuộc cụm chung cư sinh viên TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	71.869	Sở Xây dựng Phú Thọ - BQLDA công trình chung cư sinh viên TP Việt Trì	2009	2011
D	Năm 2013				
1	Khu đô thị Minh Phương - TP Việt Trì	465.000	LICOGI 14	2005	2013

Nguồn: LICOGI 14

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 11 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và 2010

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	Năm 2010	Quý I/2011	% tăng giảm 2010 so với 2009
1	Tổng tài sản	223.388.444.552	284.834.407.124	290.553.293.842	28%
2	Doanh thu thuần	72.506.195.913	125.076.481.209	20.611.096.964	73%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.947.613.905	3.187.549.887	598.985.190	64%
4	Lợi nhuận khác	48.812.998	832.544.224	-	1606%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.996.426.903	4.020.094.111	598.985.190	101%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.821.739.549	3.517.582.347	449.238.893	93%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ	5,32%	5,4%	-	0,08%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Lợi nhuận sau thuế	84,2%	44,23%	-	-39,97%

Nguồn: LICOGI 14

Ghi chú:

Tại báo cáo kiểm toán năm 2009 của Công ty Cổ phần Licogi 14, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) đưa ra ý kiến ngoại trừ như sau: “Công ty chưa thực hiện việc loại trừ doanh thu và giá vốn nội bộ và các giao dịch nội bộ khác giữa văn phòng Công ty và Chi nhánh Licogi 14.2 liên quan đến dự án Minh Phương” (trang 05). Chúng tôi xin được làm rõ như sau:

- Do Công ty LICOGI 14 vừa là chủ đầu tư, vừa là đơn vị thi công hạng mục san nền, giải phóng mặt bằng cho dự án Minh Phương nên để thuận tiện cho quá trình quyết toán doanh thu, chi phí mà LICOGI 14 thực hiện cho dự án Minh Phương với Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ, văn phòng Công ty đã xuất hóa đơn phần công việc san nền,

hạng mục cấp thoát nước mưa, nước thải dự án Minh Phương cho Chi nhánh Đầu tư xây dựng 14.2. Doanh thu hạng mục này trị giá 27.835.046.452 đồng, giá vốn tương ứng là 26.443.294.129 đồng. Các giao dịch nội bộ khác trị giá 1.391.752.323 đồng là Chi phí lãi vay và Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan tới Dự án Minh Phương mà Công ty chi trả hộ cho Chi nhánh Đầu tư xây dựng 14.2. Các chi phí này đã được hạch toán trong kỳ hoạt động năm 2009. Việc không loại trừ doanh thu, giá vốn nội bộ và một số giao dịch nội bộ khác giữa Văn phòng Công ty với Chi nhánh Đầu tư xây dựng 14.2 liên quan đến dự án Minh Phương không ảnh hưởng đến chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” năm 2009.

Công ty đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010, trong đó doanh thu, giá vốn và các giao dịch nội bộ khác giữa Văn phòng Công ty và Chi nhánh Đầu tư xây dựng 14.2 phát sinh trong kỳ hoạt động đã được điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam cũng đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với Báo cáo tài chính của LICOGI 14 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010.

Năm 2010, mặc dù nền kinh tế cả nước có nhiều khó khăn: lạm phát cao, chỉ số CPI tăng 11,75%, giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng biến động tăng cao nhiều đợt; các ngân hàng lại thắt chặt tín dụng gây khó khăn trong việc huy động vốn của Công ty, nhưng với kinh nghiệm quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh sáng suốt, linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng công trình, từng thời điểm của ban lãnh đạo Công ty đã thúc đẩy thi công các công trình, mang lại sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu so với năm 2009. Doanh thu năm 2010 tăng 73,6%; lợi nhuận sau thuế năm 2010 tăng 94% so với năm 2009. Công ty tiếp tục duy trì mức chi trả cổ tức/vốn điều lệ ở mức trên 5%, tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế dành để chi trả cổ tức giảm do năm 2010 Công ty trích lập bù Quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn tại Công văn số 499/TCDN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính.

Bước sang năm 2011, Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng của chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ, các dự án xây dựng triển khai khó khăn do thiếu vốn, chi phí đầu vào tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng, khiến doanh thu 3 tháng đầu năm 2011 của Công ty mới chỉ đạt hơn 14%, lợi nhuận sau thuế đạt 10% so với kế hoạch cả năm 2011.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Trong năm 2009 hoạt động về đầu tư, thi công các công trình giao thông, xây dựng, thủy điện hoạt động trở lại do được hỗ trợ về vốn, lãi suất, chính sách gói kích cầu của Chính phủ.
- Đầu năm 2010, giá các loại vật liệu xây dựng cơ bản (xi măng, xăng dầu, sắt

- thép...) tạm ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xây dựng của Công ty.
- Công ty luôn luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan.
 - Công ty đã từng bước ổn định công tác tổ chức. Việc quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh được diễn ra một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng công trình, từng thời điểm. Mặt khác, việc lập kế hoạch sát với thực tế đã giúp cho lãnh đạo Công ty quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi, đạt hiệu quả cao.
 - Tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty luôn đoàn kết, chung sức, chung lòng, kiên trì thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Lực lượng cán bộ, công nhân lành nghề, có kinh nghiệm công tác lâu năm cũng là một thế mạnh giúp Công ty đảm bảo chất lượng và yêu cầu của công việc và giữ vững vị thế trong ngành.

❖ **Khó khăn**

- Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu trong năm 2008 đã ảnh hưởng sâu sắc tới nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam, hầu hết các ngành nghề kinh doanh đều bị ảnh hưởng nặng nề trong đó có ngành xây dựng, nhiều dự án xây dựng bị trì hoãn, vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường xây dựng cơ bản của Việt Nam tiếp tục giảm làm thu hẹp nhu cầu xây dựng trên thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến các công ty thuộc ngành xây dựng trong nước.
- Bên cạnh đó, tình hình biến động giá nguyên vật liệu trong năm 2008 đã làm ảnh hưởng đến yếu tố chi phí đầu vào của Công ty. Trong năm 2008, giá sắt thép, xi măng, nhựa đường, cát, đá đều biến động mạnh theo chiều hướng gia tăng, điều này đã đẩy chi phí đầu vào của các công trình lên cao làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty trong kỳ.
- Năm 2009 khởi đầu với ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng năm 2008 nên thị trường bất động sản 5 tháng đầu năm 2009 đóng băng. Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty cũng vì thế mà chịu ảnh hưởng. Tuy nhiên nhờ có sự sôi động trở lại vào những tháng cuối năm 2009 nên hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những bước biến chuyển tích cực. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã có lãi nhiều so với năm 2008, tăng 41%, đạt 208 % so với kế hoạch đề ra năm 2009.
- Năm 2010 là năm nền kinh tế cả nước có nhiều khó khăn, lạm phát cao chỉ số CPI tăng 11,75%, trong đó ngành xây dựng chịu ảnh hưởng lớn như: giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng biến động tăng cao nhiều đợt (đặc biệt là thời điểm cuối năm 2010); lãi suất ngân hàng tăng lên đến 19,5%/năm, các Ngân hàng lại thắt chặt tín dụng,

không có vốn cho doanh nghiệp vay, thời tiết không thuận lợi, mưa kéo dài ảnh hưởng lớn đến tiến độ hiệu quả thi công các công trình.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty

Công ty Cổ phần LICOGI 14 là một đơn vị sản xuất kinh doanh hiệu quả của ngành. Hiện tại Công ty có một đội ngũ kỹ sư giỏi chuyên môn, công nhân kỹ thuật lành nghề, đồng thời Công ty cũng đang ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại trong xây dựng có khả năng làm giảm thời gian thi công cho công trình giảm thời gian hoàn vốn và mang lại hiệu quả cao. Qua từng thời kỳ xây dựng và phát triển đơn vị luôn được các đối tác đánh giá là đơn vị có uy tín, năng lực trên thị trường xây dựng, kinh doanh bất động sản, thương mại. Đặc biệt vùng Tây Bắc Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Sơn La...

Công ty Cổ phần LICOGI 14 trước đây là đơn vị thành viên trong Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng và hiện nay là Công ty liên kết. Do vậy Công ty vẫn luôn nhận được sự hỗ trợ của Tổng Công ty về nguồn vốn, khách hàng. Đây cũng là một trong những thế mạnh của Công ty.

MỘT SỐ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA NĂM 2010 SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH

CHỈ TIÊU	LICOGI 14	CTCP Đầu tư và Xây lắp Cons trexim số 8 - CX8	CTCP Đầu tư phát triển – Xây dựng số 2- DC2	CTCP Xây dựng 565- NSN	CTCP Sông Đà 8 - SD8 (*)	CTCP Xây lắp và Đầu tư Sông Đà - SDS
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	28,800	19,568	21,000	29,593	28,000	28,000
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	125,076	105,188	100,741	198,952	320,308	381,186
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3,517	2,679	6,048	5,719	1,963	5,286
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	33,924	27,467	37,611	38,711	25,356	33,391
Tổng tài sản (tỷ đồng)	284,834	139,810	106,285	307,443	288,593	426,933
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	2,81%	2,55%	6,00%	2,87%	0,61%	1,39%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	12,21%	13,69%	28,80%	19,33%	7,01%	18,88%
ROA (%)	1,23%	1,92%	5,69%	1,86%	0,68%	1,24%
ROE (%)	10,37%	9,75%	16,08%	14,77%	7,74%	15,83%
EPS (đồng)	1.221	1.369	4.363	1.933	701	2.461

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010 công bố trên HNX

(*): Số liệu lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất

Căn cứ vào bảng số liệu trên, các chỉ số ROA và ROE bình quân của các doanh nghiệp cùng ngành có quy mô tương đương lần lượt là 2,27% và 12,83%, EPS bình quân khoảng 2.165 đồng. Như vậy so sánh với các doanh nghiệp xây lắp có quy mô tương đương hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội có thể thấy LICOGI 14 là một doanh nghiệp có hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức khá trong ngành.

8.2. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong thời gian tới, Công ty vẫn tập trung vào hoạt động xây lắp truyền thống, xây dựng giao thông, xây dựng dân dụng, thủy lợi, thủy điện... Đặc biệt Công ty tiếp tục tăng cường đầu tư mở rộng và đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo hướng đầu tư kinh doanh Bất động sản với việc đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê; đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng với việc hoàn thiện dây chuyền nghiền sàng đá, thiết bị bốc xúc, vận chuyển và các thiết bị thi công khác; đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ thông qua hình thức góp vốn và đầu tư vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh xăng dầu mỡ.

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam luôn đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao, trong đó ngành công nghiệp và xây dựng đóng góp 41% tỷ trọng GDP. Nhu cầu xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng tăng mạnh là điều kiện thuận lợi cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản. Căn cứ vào triển vọng phát triển chung của ngành, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, xu thế hội nhập quốc tế của đất nước cũng như khả năng tăng trưởng của Công ty trong giai đoạn tới, có thể thấy chiến lược phát triển của Công ty lựa chọn là hoàn toàn phù hợp. Mục tiêu Công ty hướng tới là tiếp tục củng cố lĩnh vực có thế mạnh (thi công xây lắp) bên cạnh đó là mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác (đầu tư kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện theo hình thức BOO đầu tư kinh doanh sở hữu, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu...). Đây là một chiến lược hợp lý phù hợp với năng lực hiện tại của Công ty cũng như tham vọng của Ban lãnh đạo muốn đưa LICOGI 14 trở thành một thương hiệu vững mạnh trên thị trường nội địa và tiến tới bước ra thị trường thế giới trong thời gian gần.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty

Bảng 12 - Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 30/05/2011

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	195	100%
1. Trình độ trên đại học	0	0%

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ
2. Trình độ đại học	37	18,97%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	40	20,51%
4. Công nhân kỹ thuật	118	60,52%
5. Sơ cấp	0	0%
6. Lao động khác	0	0%
II. Phân theo giới tính	195	100%
1. Nam	169	86,67%
2. Nữ	26	13,33%

Nguồn: LICOGI 14

9.2 Chính sách đối với người lao động trong Công ty

- Về tình hình trả lương, thưởng, các chế độ khác:**

Chính sách lương, thưởng: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty hăng say làm việc. Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.

- Về chính sách tuyển dụng:**

Công ty luôn nghiên cứu, xác định nhu cầu nguồn nhân lực, đưa ra các chính sách và thực hiện các chương trình, hoạt động bảo đảm cho doanh nghiệp có đủ nguồn nhân lực với các phẩm chất, kỹ năng phù hợp để thực hiện công việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Về chính sách đào tạo người lao động trong Công ty:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

Năm 2007 là năm đầu tiên của Công ty cổ phần và Công ty đã chi trả cổ tức với tỷ lệ là 9,37% (thời điểm chi trả vào tháng 12/2009); năm 2008 chi trả cổ tức tỷ lệ 4% (thời điểm chi trả vào tháng 11/2009); năm 2009 chi trả cổ tức tỷ lệ 5,32% (thời điểm chi trả vào tháng 5/2010), năm 2010 là 5,4% (thời điểm chi trả vào tháng 5/2011). Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh nên việc tích lũy vốn để đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh là rất cần thiết, do đó chính sách chi trả cổ tức của Công ty như hiện nay là hợp lý.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

– **Trích khấu hao TSCĐ:** Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-06
Tài sản khác	05

Riêng Trạm trộn bê tông Minh Phương và hai xe vận chuyển bê tông Công ty đang thực hiện khấu hao theo số lượng sản phẩm.

– **Mức lương bình quân:** Thu nhập bình quân của người lao động năm 2008 là 1.850.000 đồng/người/tháng; năm 2009 là 2.100.000 đồng/người/tháng và năm 2010 là 2.800.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

– **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

– **Các khoản phải nộp theo luật định:** Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định.

– **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, thông thường Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng và phúc lợi; Thù lao, khen thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty.

Bảng 13 – Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011

Đơn vị: đồng

CÁC QUỸ	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Quỹ dự phòng tài chính	594.454.000	841.301.000	841.301.000
Quỹ đầu tư và phát triển	601.556.179	1.887.240.867	1.887.240.867
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	221.177.614	102.096.614	95.796.614
Tổng cộng	1.518.031.556	2.976.948.278	2.824.338.481

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I do Công ty tự lập

– **Tổng dư nợ vay:**

Bảng 14 – Tổng dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2009 và 31/12/2010, 31/03/2011

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Khoản mục	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
I	Vay và nợ ngắn hạn	30.585.524	21.890.537	27.117.874
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Phú Thọ (i)	7.610.569	8.094.845	9.172.008.120
	- Ngân hàng NN & PTNT tỉnh Lào Cai (ii)	19.998.626	9.664.280	11.694.044.000

	- Vay các cá nhân (iii)	2.976.328	4.131.411	4.247.043.616
	- Ngân hàng Quân đội (iv)	0	0	2.004.779.171
II	Vay và nợ dài hạn	10.986.592	3.423.000	3.118.000
	- Ngân hàng NN & PTNT tỉnh Lào Cai (v)	1.214.000	0	0
	- Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Việt Trì (vi)	2.300.000	3.423.000	3.118.000
	- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	7.472.592	0	0
	TỔNG CỘNG	41.572.117	30.079.361	30.235.874

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 do Công ty tự lập

❖ **Vay và nợ ngắn hạn:**

(i) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Phú Thọ:

Là khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HD số đăng ký tại Ngân hàng 02/399127 ngày 08/06/2009 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐ ngày 17/6/2010.

(ii) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai:

Là khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai theo Hợp đồng tín dụng số LAV200900170/HĐTD ngày 12/5/2009.

(iii) Vay các cá nhân:

Các khoản vay cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm khoảng từ 1,05%/tháng đến 1,3%/tháng.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội:

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 2311.VT/HMCT 18148112301 ngày 10/3/2011.

❖ **Vay và nợ dài hạn:**

(v) Vay Ngân hàng NN & PTNT tỉnh Lào Cai:

Là khoản vay Ngân hàng NN & PTNT tỉnh Lào Cai theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 216.09.VT/TDH.56/481123.01 ngày 02/10/2009; số 105.10.VT/TDH.25/481123.03 ngày 05/07/2010 và số 101.10.VT/TDH.25/481123.02 ngày 19/07/2010.

(vi) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì:

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì theo Hợp đồng thế chấp máy móc và thiết bị số 200.09.VT/TSCĐ.107/481123.01 ngày 04/08/2009.

– **Các khoản phải thu:**

Bảng 15 – Tình hình phải thu tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Phải thu của khách hàng	14.609.190.473	23.394.573.433	28.994.391.064
Trả trước cho người bán	3.085.852.478	3.445.641.958	3.960.697.218
Các khoản phải thu khác	1.589.530	0	150.000.000
Tổng cộng	17.696.632.481	26.840.215.391	33.105.088.282

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I do Công ty tự lập

Ghi chú:

- Năm 2010, khoản phải thu chủ yếu là từ phải thu của khách hàng. Trong đó, một số khoản phải thu lớn như: Phải thu Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung: 10,2 tỷ đồng; Phải thu Ban Quản lý dự án giải phóng và tái định cư cụm công nghiệp Tăng Loong Lào Cai: 2,6 tỷ đồng.

- Năm 2011, phải thu của khách hàng cũng chiếm tỷ trọng lớn trong khoản phải thu của Công ty, chủ yếu là phải thu của các khách hàng sau: Phải thu Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung: 14,54 tỷ đồng; Phải thu Ban Quản lý dự án giải phóng và tái định cư cụm công nghiệp Tăng Loong Lào Cai: 2,6 tỷ đồng; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái: 1,69 tỷ đồng và phải thu các đối tượng với mức trên 1 tỷ đồng/đối tượng như: Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (công trình Thủy điện Bản Chát), Ban Quản lý dự án hạ tầng Việt Trì (Công trình san nền thoát nước Đại học Hùng Vương), Công trình cầu Tề Lễ - Tam Nông, Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 18 Thanh Xuân.

- Các khoản nợ phải trả:
Bảng 16 - Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Nợ ngắn hạn	180.333.083.947	247.340.216.495	252.902.726.391
Vay và nợ ngắn hạn	30.585.524.938	21.890.537.766	27.117.874.907
Phải trả cho người bán	30.126.545.342	31.582.619.667	26.767.224.270
Người mua trả tiền trước	110.946.534.185	187.559.699.813	171.552.788.125
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.162.159.307	72.773.005	520.647.845
Phải trả người lao động	98.896.726	138.198.622	1.322.779.813
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác	7.192.245.835	5.994.291.008	25.525.614.817

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	221.177.614	102.096.614	95.796.614
Nợ dài hạn	11.087.436.120	3.569.309.797	3.276.447.726
Vay và nợ dài hạn	10.986.592.357	3.423.000.000	3.118.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	100.843.763	146.309.797	158.447.726
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	191.420.520.067	250.909.526.292	256.179.174.117

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I do Công ty tự lập

Ghi chú:

- ❖ Tại điểm 11.1, mục IV phần Thuyết minh báo cáo tài chính báo cáo kiểm toán năm 2009 của Công ty Cổ phần Licogi 14, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) đưa ra lưu ý như sau: “Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng và không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi”.

Về vấn đề này, chúng tôi xin được làm rõ như sau:

1. Về việc chưa đối chiếu đầy đủ công nợ phải thu, phải trả:

Tuy Công ty chưa đối chiếu số dư công nợ phải thu, phải trả đến 100% đối tượng nhưng trên thực tế số dư công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu được chiếm tỷ trọng không lớn so với tổng số dư công nợ phải thu, phải trả. Tỷ trọng số dư công nợ chưa được đối chiếu so với tổng số dư công nợ phải thu, phải trả đến thời điểm 31/12/2009 như sau:

STT	Loại công nợ	Năm 2009
1	Phải thu khách hàng, phải thu khác và trả trước cho người bán	26%
2	Phải trả người bán, phải trả khác và người mua trả tiền trước	20%

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty cũng đã đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tới từng đối tượng. Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam cũng đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.

2. Danh mục các khoản phải thu khó đòi chưa trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

STT	Khoản phải thu	31/12/2009	31/12/2010
		Giá trị (đồng)	Giá trị (đồng)
1	Ban Quản lý dự án huyện Lâm Thao	43.423.064	Đã thanh toán
2	Tổng Công ty Sông Hồng	146.768.600	Đã thanh toán

3	Tổng Công ty Công trình Giao thông 1	112.766.967	112.766.967
4	Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng tại Quảng Ninh	30.837.500	Đã thanh toán
5	UBND huyện Cẩm Khê	224.087.064	224.087.064
Tổng cộng		557.883.195	336.854.031

Nguồn: LICOGI 14

Các khoản phải thu trên đều là những khoản công nợ không có biến động từ năm 2007. Trên thực tế đây là những khoản tiền chủ đầu tư giữ lại chờ quyết toán hoặc tiền bảo hành công trình. Xét thấy đây là những khoản công nợ đặc thù trong lĩnh vực xây lắp và giá trị chiếm tỷ trọng không lớn, các đối tượng phải thu nói trên đều là những tổ chức, đơn vị có uy tín, thời gian hoạt động lâu năm và hiện tại vẫn tiếp tục các giao dịch khác với Công ty vì vậy Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ này. Việc không tiến hành trích lập dự phòng nêu trên là có cơ sở và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam cũng đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.

- ❖ Trong Quý I/2011, tiền thu từ việc góp vốn của các nhà đầu tư vào Dự án Minh Phương là 67.431.930.900 đồng. Theo hướng dẫn tại thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi thành một số điều của Luật Thuế TNDN Công ty đã tạm kê khai và nộp thuế TNDN 2% cho khoản thu này, tương đương 1,348 tỷ đồng thuế.
- ❖ Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/03/2011
Phải trả, phải nộp khác	5.994.291.008	25.525.614.817
- Kinh phí công đoàn	205.977.697	280.858.191
- Bảo hiểm xã hội	-	192.024.697
- Phải trả các công trình	5.226.736.821	2.667.931.263
- Doanh thu chưa thực hiện của Dự án Minh Phương	-	21.351.224.194
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	561.576.490	1.033.576.490

Nguồn: LICOGI 14

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17 – Chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2009, 2010

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,05	1,00
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,22	0,20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,86	0,88
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	5,99	7,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
- Vòng quay vốn lưu động <u>Doanh thu thuần</u> Tài sản ngắn hạn bình quân	0,43	0,57
- Vòng quay khoản phải thu <u>Doanh thu thuần</u> Phải thu bình quân	3,68	5,62
- Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	0,51	0,67
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,44
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,51%	2,81%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	5,70%	10,37%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,82%	1,23%
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,69%	2,55%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Công ty

❖ Hội đồng quản trị

Ông Đặng Đắc Bằng	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Gia Lý	- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	- Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Quảng	- Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thế Bình	- Ủy viên Hội đồng Quản trị

❖ Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Sim	- Trưởng Ban kiểm soát
Ông Tạ Thiên Năng	- Thành viên Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Vân Nga	- Thành viên Ban kiểm soát

❖ Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Gia Lý	- Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Quảng	- Phó Tổng Giám đốc

❖ Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Thanh	- Kế toán trưởng
-----------------	------------------

12.2 Hội đồng quản trị**a/ Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên:	ĐẶNG ĐẮC BẰNG	
Ngày sinh:	03/12/1950	Giới tính: Nam
Nơi sinh:	Đa Tồn – Gia Lâm – Hà Nội	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Đa Tồn – Gia Lâm – Hà Nội	
Giấy CMND:	201557634	
Địa chỉ thường trú:	Phường Hòa Cường, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	
Trình độ văn hóa:	10/10	
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none">- Từ 09/1969 – 09/1972: Sinh viên Trường Đại học Xây dựng Hà Nội- Từ 10/1972 – 10/1976: Bộ đội – chiến trường miền Nam- Từ 11/1976 – 10/1978: Sinh viên Trường Đại học Xây dựng Hà Nội- Từ 01/1979 – 04/1981: Cán bộ kỹ thuật – Công ty cơ giới và xây lắp số 13- Từ 05/1981 – 04/1984: Cán bộ kế hoạch - Tổng Cty xây dựng và phát triển hạ tầng- Từ 05/1984 – 06/1987: Trưởng phòng kế hoạch – Công ty cơ giới và xây lắp số 9- Từ 07/1987 – 07/1988: Phó giám đốc – Công ty cơ giới và xây lắp số 13- Từ 08/1988 – 09/2003: Giám đốc – Công ty cơ giới và xây lắp số 10- Từ 10/2003 – nay: Phó TGD Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, Chủ tịch	

HĐQT Công ty cổ phần LICOGI 14

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 475.200 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu TCT LICOGI: 475.200 cổ phần

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Thị Oanh	Vợ	201441398 do Công An TP Đà Nẵng cấp ngày 18/10/1996	10.000	0,35%

b/ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **PHẠM GIA LÝ**
Ngày sinh: 01/9/1961 Giới tính: Nam
Nơi sinh: Văn Khúc, Cẩm Khê, Phú Thọ
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Văn Khúc, Cẩm Khê, Phú Thọ
Giấy CMND: 130876559
Địa chỉ thường trú: Phường Văn Cờ, Việt Trì, Phú Thọ
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 11/1981-06/1982: Nhân viên vật tư Xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải
- Từ 07/1982-08/1988: Nhân viên Xí nghiệp thi công cơ giới số 14
- Từ 09/1988-03/1992: Phó phòng vật tư Xí nghiệp thi công cơ giới số 14
- Từ 04/1992-04/2000: Trưởng phòng vật tư Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 05/2000-08/2003: Phó giám đốc Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 09/2003-09/2005: Giám đốc Công ty cơ giới và xây lắp số 14

- Từ 10/2005-03/2008: Phó CT HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 14
- Từ 04/2008-04/2009: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP LICOGI 14
- Từ 05/2009-nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP LICOGI 14

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 377.110 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 60.310 cổ phần;
- Đại diện sở hữu TCT LICOGI: 316.800 cổ phần;

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Phạm Hùng Cường	Con	131429393 cấp 5/9/2001 CA Tỉnh Phú Thọ	30.000	1,04
Phạm Hùng Sơn	Con	131667593 cấp 02/3/2005 CA Tỉnh Phú Thọ	20.000	0,69
Phạm Văn Quang	Em	131330155 cấp 18/9/1997 CA Tỉnh Phú Thọ	10.150	0,35
Phạm Văn Minh	Em	131026657 Cấp 11/9/2001 CA Tỉnh Phú Thọ	2.400	0,08

c/ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TUẤN**
Ngày sinh: 01/02/1961 Giới tính: Nam
Nơi sinh: Xuân Huy, Lâm Thao, Phú Thọ
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xuân Huy, Lâm Thao, Phú Thọ
Giấy CMND: 130192317
Địa chỉ thường trú: Phường Văn Cơ, Việt Trì, Phú Thọ
Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 11/1981-12/1982: Nhân viên Xí nghiệp thi công cơ giới số 13
- Từ 01/1983-10/1991: Nhân viên Xí nghiệp thi công cơ giới số 14
- Từ 11/1991-07/1992: Sinh viên Trung tâm ngoại ngữ - ĐH Kiến trúc Hà Nội
- Từ 08/1992-12/1994: Phó quản đốc Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 01/1995-01/1998: Phó phòng cơ giới vật tư Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 02/1998-06/2004: Trưởng phòng cơ giới vật tư Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 07/2004-09/2005: Phó Giám đốc Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 10/2005-nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 14

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 6.030 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.030 cổ phần;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần;

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị Thanh Nga	Con	131471576 Cấp 22/9/1999 CA Tỉnh Phú Thọ	2.000	0,07

d/ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN VŨ QUẢNG**
Ngày sinh: 29/9/1964 Giới tính: Nam
Nơi sinh: Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Tây
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Tây
Giấy CMND: 060553228
Địa chỉ thường trú: Phố Lu, Bảo Thắng, Lào Cai

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác lộ thiên

Quá trình công tác:

- Từ 06/1984-12/1989: Nhân viên đo đạc Xí nghiệp thi công cơ giới số 14
- Từ 01/1990-03/1993: Sinh viên Đại học mỏ địa chất
- Từ 04/1993-09/2002: Cán bộ kỹ thuật Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 10/2002-09/2005: Đội trưởng Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 10/2005-04/2007: Đội trưởng Công ty cổ phần LICOGI 14
- Từ 05/2007-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 14

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 5.480 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.480 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14: Không

e/ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **TRẦN THẾ BÌNH**

Ngày sinh: 04/9/1959 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bồ Đề, Bình Lục, Hà Nam

Giấy CMND: 132197 442

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, khu 4, Vân Cơ, Việt Trì, Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 07/1977-08/1978: Bộ đội
- Từ 09/1978-11/1986: Sinh viên Đại học xây dựng

- Từ 12/1986-01/1994: Nhân viên Xí nghiệp thi công cơ giới số 14
- Từ 02/1994-02/1997: Đội trưởng Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 03/1997-08/2001: Phó phòng Kế hoạch Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 09/2001-12/2001: Phó phòng Tổ chức - hành chính Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 01/2002-09/2005: Trưởng phòng Tổ chức - hành chính Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 10/2005-nay: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần LICOGI 14

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng TC-HC Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 3.550 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 3.550 cổ phần;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Thế Tiếp	Em	162 037 176 cấp 18/8/1992 CA Tỉnh Nam Hà	400	0,013

12.3 Ban Kiểm soát

a/ Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ SIM**
Ngày sinh: 21/5/1962 Giới tính: Nữ
Nơi sinh: Bệnh viện tỉnh Lào Cai
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam
Giấy CMND: 131467631
Địa chỉ thường trú: Tổ 11, khu 4, Vân Cơ, Việt Trì, Phú Thọ
Trình độ văn hóa: 10/10

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14: Không có

c/ Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **VŨ THỊ VÂN NGA**

Ngày sinh: 07/9/1980 Giới tính: Nữ

Nơi sinh: Bệnh viện tỉnh Yên Bái

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hán Đà, Yên Bình, Yên Bái

Giấy CMND: 060590190

Địa chỉ thường trú: SN 93, Hồng Hà, Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2004-9/2005: Nhân viên Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 10/2005 – nay: Nhân viên Công ty cổ phần LICOGI 14

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14: Không có

12.4 Ban Tổng giám đốc**a/ Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Gia Lý – Tổng Giám đốc (đã nêu ở mục 12.2)

b/ Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn – Phó Tổng Giám đốc (đã nêu ở mục 12.2)

c/ Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vũ Quảng – Phó Tổng Giám đốc (đã nêu ở mục 12.2)

12.5 Kế toán trưởng

Họ và tên: **LÊ THỊ THANH**

Ngày sinh: 29/5/1963 Giới tính: Nữ

Nơi sinh: Tứ Liên, Từ Liêm, Tây Hồ, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tứ Liên, Từ Liêm, Tây Hồ, Hà Nội

Giấy CMND: 131 467 588

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, khu 2, Vân Cờ, Việt Trì, Phú Thọ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 01/1983-02/1983: Nhân viên Xí nghiệp thi công cơ giới 14
- Từ 03/1983-09/1984: Học sinh Trường đào tạo - Tổng Cty XD Vĩnh Phú Hoàng Liên Sơn
- Từ 10/1984-02/1992: Nhân viên Xí nghiệp thi công cơ giới 14
- Từ 03/1992-09/1993: Học sinh Trường xây dựng số 1 Hà Nội
- Từ 10/1993-03/2004: Nhân viên Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 04/2004-09/2005: Phó phòng Tài chính - kế toán Công ty cơ giới và xây lắp số 14
- Từ 10/2005-12/2006: Phó phòng Tài chính - kế toán Công ty cổ phần LICOGI 14
- Từ 01/2007-09/2007: Trưởng phòng Tài chính - kế toán Công ty cổ phần LICOGI 14
- Từ 10/2007-nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần LICOGI 14

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 6.080 cổ phần. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 6.080 cổ phần;
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu LICOGI 14:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số CMND	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Hoàng Văn Sản	Chồng	130538358 Cấp 03/05/2002 CA Tỉnh Phú Thọ	2.390	0,082

13. Tài sản
13.1. Danh mục tài sản thuộc sở hữu của Công ty
Bảng 18 – Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011
Đơn vị: nghìn đồng

Khoản mục	31/12/2009			31/12/2010			31/03/2011		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
TSCĐ hữu hình	77.243.602	28.450.283		78.102.216	27.982.603		78.102.216	26.376.386	
Nhà cửa vật kiến trúc	5.769.941	3.440.179	59,62%	5.769.941	3.195.955	55,39%	5.769.941	3.134.899	54,33%
Máy móc, thiết bị	49.776.693	16.867.719	33,89%	52.041.481	18.425.535	35,41%	52.041.481	17.349.942	33,34%
Phương tiện vận tải	21.504.461	8.133.843	37,82%	20.077.313	6.350.631	31,63%	20.077.313	5.885.200	29,31%
Thiết bị dụng cụ quản lý	192.505	8.541	4,44%	213.479	10.481	4,91%	213.479	6.344	2,97%
TSCĐ vô hình	282.925	219.745		282.925	204.685		282.925	200.920	
Quyền sử dụng đất	264.925	219.745	82,95%	264.925	204.685	77,26%	264.925	200.920	75,84%
Phần mềm máy tính	18.000	-	0,00%	18.000	-	0,00%	18.000	-	0,00%
Tổng cộng	77.526.528	28.670.028		78.385.142	28.187.288		78.385.142	26.577.306	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 do Công ty tự lập

13.2. Danh mục đất đai phục vụ kinh doanh
Bảng 19 – Danh mục đất đai của Công ty

Diễn giải	Diện tích (m2)	Công trình trên đất	Hình thức sử dụng	Thời hạn
Lô đất 01: Tổ 1 – thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái	1.979,4	- Nhà văn phòng: 300m ²	Khu đất này LICOGI 14 thuê theo Hợp đồng số 55/2008 HĐĐTĐ ký ngày 19/08/2008 giữa LICOGI 14 và UBND tỉnh Yên Bái, mục đích để xây dựng trụ sở Chi nhánh	06 năm Từ ngày 28/7/2008 đến 16/3/2014
Lô đất 02: tại phường Nông Trang, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	3.314	- Nhà làm việc 3 tầng diện tích 380m ² ; - Nhà ở tập thể 2 tầng: 250m ² ; - Nhà ăn + bếp mái bằng: 220m ² ; - Gara xe máy: 70m ² ; - Gara ô tô + kho: 150m ² .	Khu đất này LICOGI 14 thuê theo Hợp đồng số 68A/HĐĐTĐ ký ngày 11/11/2009 giữa LICOGI 14 và UBND tỉnh Phú Thọ, mục đích để xây dựng trụ sở Công ty và nhà ở tập thể	50 năm Từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2046
Lô đất 03: tại phường Bên Gót, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2612,5	- Cửa hàng xăng dầu: 500m ²	Khu đất này LICOGI 14 thuê theo Hợp đồng số 375A/HĐĐTĐ ký ngày 11/11/2009 giữa LICOGI 14 và UBND tỉnh Phú Thọ, mục đích để xây dựng cửa hàng xăng dầu.	30 năm Từ ngày 15/8/2003 đến 15/8/2033
Lô đất 04: tại phường Vân Cờ, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	6419,5	- Nhà xưởng: 700m ² ; - Nhà tập thể: 600m ² ; - Nhà bảo vệ: 30m ² .	Khu đất này LICOGI 14 thuê theo Hợp đồng số 375A/HĐĐTĐ ký ngày 11/11/2009 giữa LICOGI 14 và UBND tỉnh Phú Thọ, mục đích để xây dựng nhà xưởng, kho vật tư, nhà ở tập thể.	50 năm Từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2046
Lô đất số 05: tại Km36, quốc lộ 70, thôn Cốc Sâm 5, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, Lào Cai	3.869	- Nhà văn phòng: 180m ² . - Cửa hàng xăng dầu 700m ² . - Xưởng sửa chữa 500m ²	Khu đất này UBND tỉnh Lào Cai giao đất có thu tiền sử dụng đất cho LICOGI 14 để xây dựng trạm bảo hành, bảo dưỡng thiết bị và cửa hàng kinh doanh xăng dầu.	50 năm Từ ngày 20/04/2010 đến 20/04/2060

Diễn giải	Diện tích (m2)	Công trình trên đất	Hình thức sử dụng	Thời hạn
Lô đất 06: tại Tp Việt Trì, Phú Thọ	59,03 ha	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chuyển quyền sử dụng đất cho các hộ xây dựng nhà ở.	Khu đất này UBND tỉnh Phú Thọ giao đất có thu tiền sử dụng đất cho LICO GI 14 theo Quyết định số 4259/QĐ - UBND ngày 04/12/2009 để đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Minh Phương.	Theo thời gian triển khai dự án
Lô đất 07: tại phường Bình Minh Tp Lào Cai, Lào Cai	57,0 ha	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, chuyển quyền sử dụng đất cho các hộ xây dựng nhà ở.	Khu đất này UBND tỉnh Lào Cai giao cho Công ty CP LICO GI 14 làm chủ đầu tư theo QĐ số: 1507/UBND-TH ngày 05/7/2010	Theo thời gian triển khai dự án

Nguồn: LICO GI 14

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm tiếp theo

Bảng 20 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tiếp theo

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Năm 2011
1	Giá trị sản lượng	171.991.000.000	200.000.000.000
2	Doanh thu thuần	125.076.481.209	145.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	3.517.582.347	4.000.000.000
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,8%	2,76%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,2%	13,9%
6	Tỷ lệ cổ tức	5,4%	10%

Nguồn: LICO GI 14

Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2012 và các năm sau đó theo sẽ được thảo luận thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch nêu trên được lập trên cơ sở sau:

* **Về thi công xây lắp:**

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà - Lào Cai (Hạng mục đường vận hành VH2, nạo vét hồ sới): Hoàn thành toàn bộ công trình bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ, giá trị thi công 5,7 tỷ đồng.

- Công trình san nền mặt bằng nhà máy gang thép Lào Cai: Thi công xong phần khối lượng điều chỉnh bổ sung và bàn giao toàn bộ công trình cho Chủ đầu tư, giá trị thi công năm 2011 là: 7,6 tỷ đồng.
 - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Minh Phương: Ban lãnh đạo Công ty nhận định đây sẽ là công trình thi công trọng điểm số 1 trong năm 2011, nhằm đạt mục tiêu hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2012, do đó Công ty chỉ đạo tiếp tục tập trung vào thi công quyết liệt các hạng mục công việc còn lại của dự án: hạng mục san nền, hạng mục giao thông, thoát nước mưa, nước thải, cấp điện, cấp nước, cây xanh..... dự kiến năm 2011 giá trị Công ty tự thi công đạt trên 50 tỷ đồng.
 - Công trình khu tái định cư Hợp Xuân, Bảo Thắng, Lào Cai: Tiếp tục thi công phần khối lượng điều chỉnh bổ sung xong trong năm 2011, giá trị thi công 3,39 tỷ đồng.
 - Công trình Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Lào Cai: Thi công tiếp phần khối lượng bổ sung các hạng mục, với giá trị thi công khoảng 3,1 tỷ đồng.
 - Công trình đường huyện lỵ Tân Sơn: Thi công phần hệ thống thoát nước, mặt đường thảm bê tông nhựa, giá trị thi công 7,06 tỷ đồng, cân đối theo nguồn vốn kế hoạch.
 - Công trình xây dựng chung cư sinh viên: Tập trung lực lượng con người, thiết bị, tài chính thi công xong Nhà ký túc xá 9 tầng A với giá trị thi công 32,4 tỷ đồng để hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2011, thi công phần móng và phần thân nhà ký túc xá 9 tầng A với giá trị thi công khoảng 17 tỷ đồng.
 - Công trình cầu Ngòi A: Triển khai thi công tiếp với kế hoạch giá trị thi công 1,5 tỷ.
 - Công trình đường Chiêm Hóa – Tuyên Quang: Tập trung lực lượng, xe máy thi công hoàn thành tất cả các hạng mục của công trình và bàn giao cho Chủ đầu tư vào tháng 10/2011, với giá trị thi công là 4,73 tỷ đồng.
 - Công trình Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Dự kiến giá trị thi công 10 tỷ đồng
 - Đường Xuân Giao - Tầng Loỏng, tỉnh lộ 151 Lào Cai: giá trị thi công 18,4 tỷ đồng và một số công trình khác công ty có khả năng trúng thầu giá trị thi công khoảng 5 tỷ đồng.
- * Về sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu:**
- Sản xuất đá: Công ty tiếp tục tổ chức khai thác, chế biến thành phẩm đá xây dựng các loại tại mỏ đá Tân Hồ, Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai phục vụ thi công công trình Thủy điện Bắc Hà, ngoài ra cung cấp các công trình Công ty thi công trên địa bàn tỉnh Lào Cai với khối lượng tương đối lớn, công trình đường tỉnh lộ 151: khoảng

16.000 m³ đá, các công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Lào Cai... Dự kiến năm 2011 giá trị sản xuất đá thành phẩm khoảng 6 tỷ đồng.

- Kinh doanh xăng dầu: Năm 2011 Công ty thực hiện việc kinh doanh xăng dầu trên địa bàn TP Việt Trì, doanh thu dự kiến khoảng 25 tỷ đồng.
- Sản xuất bê tông thương phẩm: Năm 2011 Công ty tiếp tục vận hành trạm trộn bê tông thương phẩm sao cho có hiệu quả vừa phục vụ thi công các công trình của công ty vừa bán ra ngoài thị trường, ước giá trị sản xuất khoảng 5 tỷ đồng.

*** Về các dự án đầu tư:**

a. Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và dịch vụ thương mại Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ



✚ Tên dự án: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU NHÀ Ở VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI MINH PHƯƠNG

✚ Địa điểm xây dựng: Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ

- Khu vực đất quy hoạch chi tiết xây dựng dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Minh Phương, thành phố Việt Trì - theo bản đồ quy hoạch định hướng xây dựng đến năm 2010 và 2020 của thành phố Việt Trì do Sở Xây dựng Phú Thọ giới thiệu khu đất giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp với phường Vân Cơ.
- Phía Nam giáp với xã Thụy Vân.
- Phía Đông giáp với phường Nông Trang.
- Phía Tây giáp với xã Minh Phương.

✚ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Licogi 14

✚ Quy mô dự án:

- Dự án được xây dựng trên khuôn đất có diện tích là 59,03 ha, được nghiên cứu quy hoạch mang tính khoa học và cộng đồng, bao gồm các hạng mục chính như:

TT	Hạng mục	Quy hoạch điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất công trình công cộng	4,685	7,93
1	Mẫu giáo + Trường học	1,931	3,27
2	Ủy ban Nhân dân	0,187	0,32
3	Công an phường	0,156	0,26
4	Trạm y tế phường	0,103	0,17
5	Sinh hoạt cộng đồng	0,332	0,56
6	Bãi đỗ xe	0,284	0,48
7	Dịch vụ thương mại	0,661	1,12
8	Trung tâm thương mại	0,424	0,72
9	Đất công cộng – dịch vụ	0,111	0,19
10	Đất chợ Minh Phương	0,496	0,84
II	Đất xây dựng nhà ở	27,984	47,40
1	Đất xây dựng nhà ở sinh viên thành phố Việt Trì	2,169	3,76
2	Đất xây dựng nhà ở chung cư cho người có thu nhập thấp	2,037	3,45
3	Đất xây dựng nhà ở kết hợp dịch vụ	5,517	9,35
4	Đất xây dựng nhà ở tái định cư	0,165	0,28
5	Đất xây dựng nhà ở biệt thự	4,786	8,11
6	Đất xây dựng nhà ở liền kề	13,314	22,55
III	Đất xây dựng hạ tầng	6,648	11,26
1	Hành lang kỹ thuật	1,678	2,84
2	Cây xanh	4,964	8,41
3	Mặt nước		
IV	Đường giao thông	19,710	33,39
V	Tổng diện tích đất trong phạm vi quy hoạch	59,03	100,0

Nguồn: LICOGI 14

Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2010, Công ty tiếp tục tập trung thi công cơ sở hạ tầng đáp ứng cung cấp nhu cầu nhân dân chuyển đến xây dựng nhà ở. Hạng mục san nền công ty đã tập trung máy móc, nhân lực khẩn trương thi công để tạo mặt bằng xây dựng các hạng mục khác, đã thi công được khối lượng lớn và đã cơ bản đã hoàn thành. Hạng mục hệ thống thoát nước thải và nước mưa đang tiếp tục thi công mở rộng theo khối lượng mặt bằng đã hoàn thành. Hạng mục đường giao thông đã thi công xong tại các tuyến chính nhất là tuyến đường 36m (đã thi công thảm bê tông nhựa mặt đường) tạo cảnh

quan đẹp cho Khu đô thị, các tuyến giao thông nhánh rẽ nội thị đã thi công cơ bản xong một số tuyến mặt đường bê tông tạo nên sự nổi bật các khu đất chia lô, kết quả đến cuối năm sản lượng Công ty tự thi công đạt được của công trình là 32,84 tỷ đồng.

- Năm 2011, Công ty sẽ thực hiện đầu tư quyết liệt hơn dự án đô thị Minh Phương. Công ty sẽ tập trung khai thác mọi nguồn vốn để đầu tư trọng điểm, đạt mục tiêu hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2012. Cụ thể thi công hoàn chỉnh phần san nền mặt bằng, làm hoàn chỉnh đồng bộ đường giao thông; hệ thống thoát nước, cấp nước sinh hoạt, cấp điện, lát vỉa hè, hệ thống cây xanh để các hộ đã góp vốn đầu tư tiếp tục xây nhà tạo sức hút cảnh quan vào đô thị. Giá trị đầu tư năm 2011 dự kiến từ 50 đến 70 tỷ. Nguồn vốn vay tín dụng, huy động khách hàng, huy động góp vốn đầu tư hoặc tăng vốn điều lệ thông qua ĐHCĐ năm 2011.

Thông tin về tình hình tài chính dự án

- Tổng mức vốn đầu tư: 465,18 tỷ đồng, giá trị còn lại trên 300 tỷ đồng sẽ đầu tư xong trong giai đoạn 2010-2012.
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn tự có và huy động: 25% tương đương 116,29 tỷ đồng;
 - Vốn vay thương mại: 68% tương đương 316,32 tỷ đồng;
 - Lãi vay vốn vay thương mại: 7% tương đương 34,86 tỷ đồng.
- Hiệu quả tài chính của dự án:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
I	Tổng doanh thu	đồng	528.951.575.500
1	Doanh thu từ chuyển nhượng đất liền kề	đồng	335.303.910.000
2	Doanh thu từ chuyển nhượng đất biệt thự	đồng	118.136.071.500
3	Doanh thu từ chuyển nhượng đất xây dựng tái định cư	đồng	3.303.340.000
4	Doanh thu từ chuyển nhượng đất xây dựng nhà chung cư cho người có thu nhập thấp	đồng	10.845.000.000
5	Doanh thu từ chuyển nhượng đất dịch vụ thương mại	đồng	11.935.000.000
6	Doanh thu tính thuế TNDN	đồng	49.428.254.000
II	Chi phí		467.349.854.698
1	Chi phí xây dựng	đồng	465.189.854.698
2	Chi phí hoạt động kinh doanh bán hàng	đồng	2.160.000.000
III	Lợi nhuận		
	Lợi nhuận thuần	đồng	49.244.657.302
	Lợi nhuận sau thuế	đồng	36.933.492.976
	Lợi nhuận ròng hiện tại NPV	đồng	162.319.301
	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ IRR	%	7,03
	Thời gian hoàn vốn	năm	04
	Thời gian trả xong lãi vay ngân hàng	năm	04

b. Dự án thủy điện Bảo Nhai

✚ **Tên dự án: THỦY ĐIỆN BẢO NHAI**

✚ **Địa điểm xây dựng:**

- Công trình thủy điện Bảo Nhai được xây dựng trên sông Chảy với phương án nhà máy thủy điện kiểu lòng sông. Vị trí địa lý của công trình như sau: 104°11'25" kinh độ Đông; 22°29'51" vĩ độ Bắc.
- Sông Chảy là một phụ lưu cấp 1 của sông Lô và lớn thứ 2 sau nhánh sông Gâm. Lưu vực sông Chảy nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam, phía Tây giáp với lưu vực sông Hồng, với dãy núi Con Voi là đường phân nước giữa hai lưu vực này, phía Bắc và Đông Bắc giáp với lưu vực Sông Lô. Dòng chính sông bắt nguồn từ đèo Hà Tao thuộc huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang.

✚ **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần LICOGI 14

✚ **Công suất và thông số chính của nhà máy:**

Thông số chính	Đơn vị	Giá trị
Diện tích lưu vực	Km ²	3.482,0
Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	M	120,5
Dung tích hồ chứa với MNDBT	10 ⁶ m ³	4,84
Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	0,62
Mực nước hạ lưu max	M	118,82
Mực nước hạ lưu nhỏ nhất	M	112,43
Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	224,0

Cột nước tính toán	M	6,77
Công suất lắp máy	MW	14,0
Công suất đảm bảo	MW	2,79
Số tổ máy	Tổ	02
Số giờ sử dụng công suất lắp máy	H	3897
Điện lượng trung bình năm	10 ⁶ kWh	54,56

Nguồn: LICOGI 14

Tiến độ thực hiện dự án:

- Công ty đã khoan xong địa chất, khảo sát địa hình. Đã được UBND tỉnh Lào Cai cấp chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đánh giá tác động môi trường và thu xếp vốn đầu tư dự án.
- Tỉnh Lào Cai đã cấp và công ty đang tiến hành khảo sát 9 ha mỏ cát Bảo Nhai, 2,6 ha mỏ đá tại Bản Mẹt để phục vụ thi công thủy điện, ngoài ra các vật liệu khác công ty đã khảo sát các vùng xung quanh để nhằm cung cấp đầy đủ cho dự án, giá trị đầu tư phân khảo sát, lập dự án đạt gần 4 tỷ đồng.
- Năm 2011, Công ty đẩy mạnh hoàn chỉnh ngay quy hoạch chi tiết 1/500, lập báo cáo dự án khả thi, thiết kế kỹ thuật thi công, tổng dự toán, phê duyệt phương án đền bù tái định cư, thỏa thuận mua bán điện với EVN (Điện lực I), phê duyệt thu hồi và giao đất, thành lập Công ty cổ phần thủy điện Bảo Nhai để thực hiện đầu tư.

Tình hình tài chính dự án:

- Tổng mức vốn đầu tư: 396.194.754.000 đồng
- Hiệu quả tài chính của dự án:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Lãi trong xây dựng	Tỷ đồng	16,890
NPV	Tỷ đồng	70,012
FIRR	%	11,53
B/C	-	1,18
Thời gian hoàn vốn	Năm	15

Nguồn: LICOGI 14

c. Đầu tư tổ hợp

- Công ty được UBND tỉnh Lào Cai quyết định cho thuê 50 năm khu đất tại ngã ba Km 36 Quốc lộ 70, để đầu tư tổ hợp Văn phòng; Trạm bảo hành sửa chữa thiết bị; Cửa hàng xăng dầu, giao Chi nhánh LICOGI tại Lào Cai quản lý, thực hiện. Dự kiến giá trị đầu tư 5,7 tỷ đồng.
- Dự án mở rộng cửa hàng xăng dầu LICOGI 14 tại Phường Bến Gót, TP. Việt Trì: đã bồi thường giải phóng mặt bằng, dự kiến đầu tư 2 tỷ đồng trong năm 2011.

d. Dự án kho bãi khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành, TP. Lào Cai

- Là dự án chuẩn bị đầu tư, Công ty cổ phần LICOLOGI 14 đã được UBND tỉnh Lào Cai đồng ý cho làm Chủ đầu tư dự án kho bãi cửa khẩu Kim Thành - TP. Lào Cai theo văn bản số 3023/UBND-TH ngày 18/11/2010. Đây là cửa khẩu quốc tế gắn với đầu đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, là nơi tập kết kho cảng, tập kết hàng hóa ngoài trời, container, kho lạnh... Công ty đã lập dự án với tổng mức đầu tư khoảng 130 tỷ đồng trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, với mục đích làm các kho chứa hàng hóa đáp ứng nhu cầu thông thương tại khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành. Năm 2011, Công ty tiến hành lập quy hoạch chi tiết, lập báo cáo dự án khả thi, thiết kế bản vẽ thi công chi tiết, dự kiến mức đầu tư khoảng 5-10 tỷ đồng thực hiện san gạt mặt bằng.

e. Dự án khu đô thị mới tại TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai:

Là dự án chuẩn bị đầu tư, đây là khu vực cửa khẩu quốc tế, tiểu khu 16 có đường xuyên Á chạy qua Công ty CP LICOLOGI 14 đã được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt về chủ trương để Công ty nghiên cứu, lập dự án khả thi, Công ty đã thực hiện xong khảo sát địa hình, đang lập quy hoạch chi tiết 1/500 trình UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt vào Quý II năm 2011.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty Cổ phần LICOLOGI 14. Các kế hoạch về lợi nhuận của Công ty nêu trong Bản cáo bạch thể hiện rõ nỗ lực, kỳ vọng và quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty nhằm đưa Công ty tiến lên một tầm cao mới. Với tình hình của nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục, thị trường bất động sản phân khúc trung bình đang âm dần trở lại cùng với sự năng động, năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, chúng tôi cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển của Công ty trong năm 2010 là hoàn toàn khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phần phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phần đăng ký niêm yết là 2.830.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần chưa đăng ký niêm yết: 50.000 cổ phần (tương ứng 500.000.000 đồng giá trị vốn góp bằng thương hiệu LICOGI của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng theo hướng dẫn tại Công văn số 1544/UBCK-QLPH ngày 27/05/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hướng dẫn các vấn đề góp vốn không phải bằng tiền).

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

❖ Số cổ phần thuộc sở hữu của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

Quy định hạn chế chuyển nhượng theo Khoản 1.đ, Điều 8, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/1/2007 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Như vậy số cổ phiếu mà các thành viên nêu trên sở hữu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Chức vụ	Họ tên	Số CP sở hữu cá nhân	HCCN trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	HCCN trong 06 tháng tiếp theo
Chủ tịch HĐQT	Đặng Đắc Bằng	0	0	0
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Phạm Gia Lý	60.310	60.310	30.155
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Văn Tuấn	6.030	6.030	3.015
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Vũ Quảng	5.480	5.480	2.740
Ủy viên HĐQT	Trần Thế Bình	3.550	3.550	1.775

Trưởng ban Kiểm soát	Nguyễn Thị Sim	3.390	3.390	1.695
Thành viên BKS	Tạ Thiên Năng	0	0	0
Thành viên BKS	Vũ Thị Vân Nga	100	100	50
Kế toán trưởng	Lê Thị Thanh	6.080	6.080	3.040
Tổng cộng		84.940	84.940	42.470

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phương pháp P/B

Giá của cổ phiếu LICO GI 14 được tính theo phương pháp so sánh chỉ số giá trên giá trị sổ sách. Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách của LICO GI 14 thời điểm 31/03/2011 và chỉ số giá trên giá trị sổ sách (P/B) bình quân của một số Công ty trong ngành xây dựng có quy mô tương đương đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thời điểm 31/03/2011.

Danh sách các Công ty được sử dụng để làm cơ sở so sánh:

T T	Mã CK	Tên công ty	VCSH (tỷ đồng)	Số CP đang lưu hành tại ngày 31/03/2011 (CP)	BV tại ngày 31/03/2011 (VNĐ/CP)	P/B tại ngày 31/03/2011	Giá CP tại ngày 21/06/2011 (VNĐ/CP)
1	CX8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	27,51	1.960.000	14.035	0,93	11.900
2	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển - Xây dựng Số 2	38,39	2.520.000	15.234	0,76	9.000
3	HTB	Công ty Cổ phần Xây dựng Huy Thắng	21,66	1.800.000	12.033	3,16	57.800
4	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	38,84	3.390.000	11.457	1,69	22.500
5	NSN	Công ty Cổ phần Xây dựng 565	38,71	2.960.000	13.077	0,64	5.500
6	S91	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	43,72	2.940.000	14.870	0,75	6.900
7	SD8	Công ty Cổ phần Sông Đà 8	25,48	2.800.000	9.100	0,95	5.400
8	SDS	Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	34,23	2.440.000	14.028	1,59	16.200
9	V21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	42,08	1.700.000	24.752	0,84	19.700

Nguồn: SHS

Hệ số bình quân P/B của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói trên tại thời điểm 31/03/2011 là 1,26 lần.

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/03/2011 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{34.374.119.725}{2.880.000} = 11.935 \text{ đồng/ cp}$$

Do đó, giá dự kiến của LICOGI 14 = P/B x BV = 11.935 x 1,26 = 15.038 đồng/cp.

5.2. Phương pháp P/E

Giá của cổ phiếu LICOGI 14 được tính theo phương pháp chỉ số giá thị trường. Phương pháp này dựa trên thu nhập trên một cổ phần của LICOGI 14 bốn quý gần nhất và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các Công ty ngành xây dựng có quy mô tương đương đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thời điểm 31/03/2011.

Danh sách các Công ty được sử dụng để làm cơ sở so sánh:

ST T	Mã CK	Tên công ty	EPS (đồng)	P/E	Giá tại ngày 21/06/2011 (VNĐ/CP)
1	CX8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	1.336,00	9,73	11.900
2	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	2.202,00	5,27	9.000
3	HTB	Công ty Cổ phần Xây dựng Huy Thắng	1.383,00	27,48	57.800
4	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	4.439,00	4,37	22.500
5	NSN	Công ty Cổ phần Xây dựng 565	1.932,00	4,35	5.500
6	S91	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	1.688,41	6,63	6.900
7	SD8	Công ty Cổ phần Sông Đà 8	871,12	9,87	5.400
8	SDS	Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	2.245,15	9,93	16.200
9	V21	Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	5.021,00	4,12	19.700

Nguồn: SHS

Hệ số bình quân P/E của các doanh nghiệp ngành xây dựng nói trên tại thời điểm 31/03/2011 là 9,08 lần.

Thu nhập trên một cổ phần của Công ty 4 quý gần nhất:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng CP đang lưu hành}} = \frac{3.154.662.427}{2.880.000} = 1.095 \text{ đồng/ cp}$$

Do đó, giá dự kiến của LICOGI 14 = P/E x EPS = 1.095 x 9,08 = 9.942 đồng/cp.

Phương án	Phương pháp P/B		Phương pháp P/E		Giá TB (đồng)
	Tỷ trọng (%)	Giá (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá (đồng)	
Thấp	25%	3.760	75%	7.457	11.216
Trung bình	50%	7.519	50%	4.971	12.490
Cao	75%	11.279	25%	2.486	13.764

Kết luận: Tổng hợp các phương án tính giá trên, khoảng giá hợp lý của cổ phiếu LICOGI 14 là trong khoảng 11.216 – 13.764 đồng/cp. Tuy nhiên, do hiện nay tính thanh khoản của cổ phiếu LICOGI 14 trên thị trường chưa cao, đồng thời để thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư và tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu khi niêm yết, Công ty quyết định giá niêm yết dự kiến của một cổ phiếu LICOGI 14 sẽ ở mức trung bình trong khoảng giá, với số làm tròn là 12.000 đồng/cổ phần.

6. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài. Sau khi chứng khoán của Công ty được đăng ký, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật.

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ - TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào công ty cổ phần đại chúng là 49%. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại.

Hiện tại không có nhà đầu tư nước ngoài nào nắm giữ cổ phần của Công ty Cổ phần LICOGI 14.

7. Các loại thuế liên quan

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo theo quy định ưu đãi tại điều 36, Nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 16/11/2004 về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được giảm 50% thuế TNDN và được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

❖ Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng và hợp đồng xây lắp ký trước ngày 31/12/2003, 10% đối với doanh thu bán xăng dầu, doanh thu cho thuê máy thi công và các hợp đồng xây lắp ký sau ngày 31/12/2003; không chịu thuế đối với lệ phí xăng dầu.

❖ Các loại thuế khác

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, hàng năm công ty còn trả tiền thuế nhà đất, tiền thuê đất và các loại thuế khác.

❖ Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến hoạt động chuyển nhượng chứng khoán

Theo thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân” thì các cổ đông là cá nhân khi chuyển nhượng cổ phần (hoặc quyền mua cổ phần) sẽ phải nộp thuế thu nhập cá nhân bằng 0,1% trên tổng giá trị chuyển nhượng. Các cá nhân nếu muốn áp dụng nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo thuế suất 20% thì phải thoả mãn điều kiện qui định tại khoản 2.2.2, tiết 2.2, điểm 2 Mục II Phần B Thông tư số 84/2008/TT-BTC và phải thực hiện đăng ký phương pháp nộp thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú, chậm nhất là 31/12/2009.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



Biến cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&5 toà nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35378010 Fax: (04) 35378005

Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 41 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3525777 Fax: 0511.3525779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Sông Đà, Số 165, Đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 62 670 491 Fax: (04) 62 670 494

Email: vae_co@viettel.vn

Website: www.vae.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán 2008, 2009, 2010 và BCTC Quý I do Công ty tự lập
5. **Phụ lục V:** Quy chế quản trị Công ty
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu khác có liên quan

Việt Trì, ngày tháng năm 2011

**CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT,
TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

CHỦ TỊCH HĐQT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐẶNG ĐẮC BẰNG

NGUYỄN THỊ SIM

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM GIA LÝ

LÊ THỊ THANH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

HOÀNG ĐÌNH LỢI